

BÀI 3: LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* (Trích – Trần Đình Hượu)

VB2: *Năng lực sáng tạo* (Trích – Phan Đình Diệu)

VB3: *Mấy ý nghĩ về thơ* (Trích – Nguyễn Đình Thi)

Thực hành đọc: *Cảm hứng và sáng tạo* (Trích – Nguyễn Trần Bạt)

2. Thực hành tiếng Việt: Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)

4. Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 9 tiết – KHGD + 1 tiết Ôn tập + 2 tiết KT GK + 1 tiết trả bài

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. - Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. - Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc. - Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích. - Nhận biết được lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (quan niệm sống, định hướng tương lai, cách ứng xử trong các mối quan hệ,...). - Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

II. PHẨM CHẤT

- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa dân tộc.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 23,24

VĂN BẢN 1: NHÌN VỀ VỐN VĂN HOÁ DÂN TỘC

(Trích)

Trần Đình Huợu

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* của văn bản.
- Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric, bảng kiểm đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi nhỏ: Tập làm luật sư bào chữa

c. Sản phẩm: Lập luận của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Thực hiện trò chơi nhỏ: Tập làm luật sư bào chữa - Vụ việc cần bào chữa: Bào chữa cho một người thợ săn kiện một người chăn cừu đã giết chết con chó của mình vì nghi con chó này đã giết những con cừu của ông ta. Tên con chó là Old Drum. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xung phong hình thành 2 đội chơi, chuẩn bị lập luận bào chữa (khoảng 2 phút). - GV quan sát, gợi ý nếu HS gặp khó khăn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS đại diện của 2 đội thực hiện lập luận bào chữa nhanh (khoảng 2-3 phút). - HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cho HS tham khảo bản diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ (bên dưới). - GV nhận xét, đánh giá phần chơi của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: <i>Tham khảo bản diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ, được phóng viên William Safire của báo The New York Times bình chọn là hay nhất trong tất cả các diễn văn, lời tựa trên thế giới trong khoảng 1.000 năm qua và màn bào chữa nhỏ của các luật sư tương lai của chúng ta đã phần nào chứng minh được giá trị của lập luận. Vậy lập luận là gì? Làm thế nào để lập luận có sức thuyết phục, hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay để trải nghiệm!</i>	2 HS đại diện 2 đội lần lượt trình bày lập luận theo quan điểm của mỗi đội

Tham khảo bản diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ:

Thưa quý hội thẩm đoàn!

Người bạn tốt nhất mà ta có được trên đời này có thể quay lưng chống lại ta và biến thành kẻ thù của ta.

Con cái mà ta hằng yêu thương chăm sóc có thể trở thành những đứa vô ơn bạc nghĩa.

Những người gần gũi và thân thiết với ta nhất, những người mà ta tin tưởng đem giao phó hạnh phúc và danh dự của mình, một ngày nào đó có thể trở thành những kẻ phản bội.

Tiền bạc mà ta có được có thể sẽ mất đi, mất ngay vào lúc ta cần nó nhất.

Danh tiếng của con người có thể tiêu tan trong khoảnh khắc vì một hành vi nông nổi.

Những kẻ từng quỳ gối tôn vinh ta khi ta thành đạt có thể trở thành những kẻ đầu tiên ném vào ta hòn đá hiểm độc khi bóng mây sa cơ lỡ vận phủ xuống đầu ta.

Trên thế gian vụ lợi ích kỷ này, con người chỉ có thể có được một người bạn vô tư không điều kiện, một người bạn không bao giờ rời bỏ ta, không bao giờ vô ơn bạc nghĩa, không bao giờ phản bội, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta, dù ta giàu sang hay ta nghèo khó, dù ta khỏe mạnh hay ta ốm đau bệnh tật.

Nó ngủ dưới nền đất lạnh, bất chấp giá rét mùa đông hay bão tuyết, miễn sao được ở gần ta. Nó vẫn hôn vào bàn tay ta dù ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vào những vết thương và những chỗ ta đau đớn khi va chạm với sự tàn bạo của cuộc đời. Nó canh giấc ngủ cho ta khi ta là kẻ cùng khốn cũng giống như khi ta là một ông hoàng. Khi tất cả bạn bè đều rời xa ta, riêng con chó thì ở lại.

Khi ta mất hết của cải, thân bại danh liệt, thì tình yêu thủy chung của con chó đối với ta vẫn ngời sáng như ánh mặt trời xuyên thấu chín tầng mây. Nếu chẳng may ta bị cuộc đời ruồng bỏ, rơi vào cảnh không bạn bè không nhà cửa, thì đối với con chó trung thành, không có một đặc ân nào cao hơn là được ở bên cạnh ta, để bảo vệ ta chống lại những hiểm nguy, chống lại kẻ thù.

Và đến lúc đời ta kết thúc, Thân chết rước ta đi và thân xác ta nằm dưới lòng đất lạnh, khi người thân bạn bè đưa tiễn đã quay về để tiếp tục bận rộn với cuộc sống của họ, thì con chó cao quý vẫn còn nằm bên nắm mồ ta, đầu gục xuống giữa hai chân, đôi mắt đau buồn nhưng vẫn mở to cảnh giác, trung thành và chân thực ngay cả khi ta đã chết.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về lập luận trong văn bản nghị luận, các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi: Ai nhanh hơn?

c. Sản phẩm: Bảng tri thức hoàn thành và câu trả lời nhanh, đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bảng tri thức lập luận trong văn bản nghị luận

(1)	(2)	(3)	(4)
Lập luận trong văn bản nghị luận	1		Lập luận là...
Các thao tác được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục	2		Chứng minh, bình luận, bác bỏ.
Các thao tác giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận	3		Giải thích, phân tích, so sánh.

Chứng minh	4	Chứng minh là...
Bình luận	5	Bình luận là...
Bác bỏ	6	Bác bỏ là...
Giải thích	7	Giải thích là...
Phân tích	8	Phân tích là...
So sánh	9	So sánh là...

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn? - GV chia lớp thành 4 đội chơi, cụ thể: Mỗi đội được nhận một: Bảng tri thức lập luận trong văn nghị luận (bên trên – đã được in sẵn trên giấy A0) + các tổ hợp từ ngữ a, b, c, d, e, g, h, i, k (đã được ghi hoặc in sẵn trên giấy nhớ) - GV nêu nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1. Sắp xếp các tổ hợp từ ngữ a, b, c, d, e, g, h, i, k sau vào đúng vị trí cột (3) trong Bảng tri thức lập luận trong văn bản nghị luận a. Lí lẽ, bằng chứng, thuyết phục, vấn đề đặt ra, nghệ thuật lập luận. b. Chứng minh, bình luận, bác bỏ. c. Đối chiếu, giống nhau, khác nhau, nhận thức về bản thân đối tượng, chính xác, đúng đắn; có cơ sở. d. Chia tách, tìm hiểu căn cứ, khám phá bản chất, tổng hợp, chỉnh thể, toàn vẹn. e. Trình bày căn cứ, hiểu rõ, là gì?, hiểu như thế nào? g. Sai lầm, phiên diện, thiếu chính xác; lẽ phải, chân lí. h. Đánh giá (đúng - sai, hay - dở, tốt – xấu, tích cực - tiêu cực), chủ kiến của người viết. i. Lí lẽ, bằng chứng (thực tế, tài liệu khoa học, báo chí, văn học, nghệ thuật,...), có cơ sở, đáng tin cậy. k. Giải thích, phân tích, so sánh. Nhiệm vụ 2. Sau khi sắp xếp, từ gợi ý đã tìm được, nêu ngắn gọn một số tri thức ngữ văn về lập luận trong văn bản nghị luận (phần để trống ở cột 4)	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Lập luận trong văn bản nghị luận - Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết. 2. Các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận <u>- Các thao tác được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục:</u> chứng minh, bình luận, bác bỏ + Chứng minh là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy. Tùy đề tài cụ thể, người viết chọn bằng chứng từ thực tế cuộc sống hoặc từ tài liệu khoa học, báo chí, tác phẩm văn học, nghệ thuật,... + Bình luận là đánh giá về sự đúng - sai, hay - dở, tốt – xấu, tích cực - tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động,.. nhằm thể hiện rõ chủ kiến của người viết. + Bác bỏ là chỉ ra sự sai lầm, phiên diện hoặc thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến, từ đó củng cố điều được người viết xem là lẽ phải, chân lí. <u>- Các thao tác giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận: giải thích, phân tích, so sánh</u> + Giải thích là cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,... một cách chi

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo, thảo luận - HS đọc Tri thức Ngữ văn thu thập thông tin, hoàn thành bảng theo nhóm. - Sau thời gian 5 phút thảo luận nhóm, đại diện các đội lên bảng dán kết quả. - HS quan sát SGK và bảng kết quả, nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của các đội chơi (đội 1 nhận xét đội 2, đội 2 nhận xét đội 3, đội 3 nhận xét đội 4, đội 4 nhận xét đội 1). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV hệ thống, chốt kiến thức: Cột (3) lần lượt là các tổ hợp từ ngữ: a, b, k, i, h, g, e, d, c - GV đánh giá phần tìm hiểu Tri thức Ngữ văn của các đội chơi; khen thưởng hoặc tính điểm theo thứ tự.	tiết, tỉ mỉ, tạo điều kiện cho người đọc hiểu rõ vấn đề được bàn luận trong văn bản. + Phân tích là chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận, giúp người đọc nhìn thấy rõ hơn các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên nó. + So sánh là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác để nhận ra điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó làm nổi bật nét đặc thù của đối tượng được bàn luận. .=> Trong bài văn nghị luận, các thao tác trên đây thường được phối hợp với nhau một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.
--	--

2.2: Đọc văn bản và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Trần Đình Hượu và văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*.

b. Nội dung hoạt động: Học sinh đọc văn bản, thảo luận cặp đôi, hoàn thiện bảng kiến thức, thuyết trình về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: Bảng kiến thức về tác giả, văn bản và phần thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu khoảng 3 HS đọc từng phần, nhắc các em về các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản để theo dõi những gợi ý cần thiết cho việc tìm hiểu nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả trao đổi - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cũng có thể đọc mẫu một đoạn và hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp với nội dung văn bản và thái độ của tác giả khi bàn về văn hoá dân tộc.	II. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản a. Tác giả Trần Đình Hượu <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>Trần Đình Hượu (1926- 1995).</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>Thanh Chương - Nghệ An.</td></tr> <tr> <td>Gia đình</td><td>Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho.</td></tr> <tr> <td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td> - Là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có </td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh	Trần Đình Hượu (1926- 1995).	Quê quán	Thanh Chương - Nghệ An.	Gia đình	Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho.	Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể										
Năm sinh	Trần Đình Hượu (1926- 1995).										
Quê quán	Thanh Chương - Nghệ An.										
Gia đình	Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho.										
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có										

- Nhắc HS chú ý nghĩa của các từ ngữ được giải thích ở từng chân trang trong SGK. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc văn bản, kết hợp với tự tìm hiểu trước ở nhà, hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và văn bản: Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table><tr><th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr><tr><td>Năm sinh</td><td></td></tr><tr><td>Quê quán</td><td></td></tr><tr><td>Gia đình</td><td></td></tr><tr><td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td></td></tr><tr><td>Các tác phẩm tiêu biểu</td><td></td></tr></table> Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản <table><tr><th colspan="2">Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr><tr><td colspan="2">Xuất xứ</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">Thể loại</td><td></td></tr><tr><td rowspan="3">Bố cục</td><td>Từ...</td><td></td></tr><tr><td>Từ...</td><td></td></tr><tr><td>Từ...</td><td></td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả và văn bản dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị. - HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh		Quê quán		Gia đình		Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng		Các tác phẩm tiêu biểu		Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể	Xuất xứ			Thể loại			Bố cục	Từ...		Từ...		Từ...		ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nền tư tưởng, văn hóa, văn học truyền thống, đồng thời gợi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. - Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2000.
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																													
Năm sinh																														
Quê quán																														
Gia đình																														
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng																														
Các tác phẩm tiêu biểu																														
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể																												
Xuất xứ																														
Thể loại																														
Bố cục	Từ...																													
	Từ...																													
	Từ...																													
Các tác phẩm tiêu biểu	<i>Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930 (Chủ biên 1988), Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại (1995), Đến hiện đại từ truyền thống (1996), Các bài giảng về tư tưởng phương Đông (2001),...</i>																													
b. Văn bản <i>Nhìn về vốn văn hóa dân tộc</i>.																														
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể																												
Xuất xứ		Trích phần II, bài tiểu luận <i>Về vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc</i> - in trong cuốn <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> (1996).																												
Thể loại		Văn bản nhật dụng nghị luận xã hội.																												
Bố cục	Đặt vấn đề: Từ đầu -> gần gũi với nó.	Nêu vấn đề và phạm vi nghiên cứu.																												
	Triển khai vấn đề: tiếp theo -> ...trong văn học.	Nhận định chung về nền văn hóa Việt Nam trong mối tương quan với các dân tộc trên thế giới và những nét đặc thù của vốn văn hóa Việt Nam.																												
	Kết thúc vấn đề: còn lại	Con đường hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam.																												

- GV nhận xét, chốt kiến thức.	
--------------------------------	--

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, chỉ ra mối liên hệ của chúng.

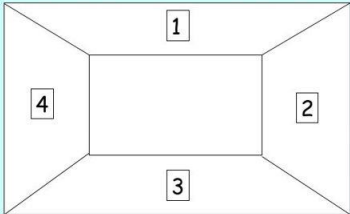
- Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Cấu trúc nghị luận

- Nghệ thuật lập luận - Sự kết hợp các thao tác nghị luận - Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức tiết dạy theo kĩ thuật khăn trải bàn	III. Khám phá văn bản 1. Cấu trúc nghị luận a. Cấu trúc nghị luận của văn bản:						
Kĩ thuật dạy học “<i>Khăn trải bàn</i>”  - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận Nhóm 1: Tìm hiểu cấu trúc nghị luận của văn bản <u>Cụ thể:</u> - Xác định cấu trúc nghị luận của văn bản bằng cách hoàn thành phiếu học tập	Luận đề Một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc						
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng					
	1	Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật.	- Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... đều không phát triển đến tuyệt kĩ. - Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.				
	2	Người Việt Nam coi trọng cuộc sống hiện thế.	- Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. - Người Việt Nam lo cho con cháu; mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp; ưa chuộng con người hiền				
<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th colspan="2">Luận đề</th></tr><tr><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th></tr></table>	STT	Luận đề		Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng		
STT		Luận đề					
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng					

1		
2		
...		

2. Từ phiếu học tập hoàn thành, nhận xét về cách sắp xếp luận điểm của văn bản.

Nhóm 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Cu thể:

- Nhận xét về cách nêu vấn đề nghị luận

- Chiến thuật lập luận của tác giả: Luận điểm “giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật” được tác giả chứng minh như thế nào? Lập luận của tác giả có sức thuyết phục không? Vì sao?

- Nhận xét cách lập luận của văn bản.

Nhóm 3: Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác nghị luận

Cu thể:

Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản.

Thao tác	Ngữ liệu từ văn bản	Nhận xét sự kết hợp các thao tác
...	...	...
...	...	
...	...	
...	...	
...	...	

Nhóm 4: Tìm hiểu mục đích, thái độ của người viết

		lành, tình nghĩa; ca tụng sự khôn khéo;...
3	Người Việt Nam ưa những gì vừa phải, chừng mực, không thích cái hoành tráng, cầu kì.	Làm rõ ở màu sắc, quy mô, giao tiếp, trang phục,...
4	Tinh thần chung của nền văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.	Lối sống, quan niệm sống,...
5	Văn hoá Việt Nam là sự dung hợp giữa cái vốn có, cái riêng và tiếp thu cái bên ngoài.	Văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc.

b. Cách sắp xếp luận điểm của văn bản:

- Tác giả dựa vào biểu hiện nhiều mặt của văn hoá Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử: tôn giáo, văn chương, âm nhạc, kiến trúc, quân sự, lối sống, giao tiếp, ứng xử, việc tiếp thu các triết thuyết Nho, Phật, Lão,... để khái quát thành các luận điểm.

- Cách sắp xếp các luận điểm của văn bản: logic, chặt chẽ, thuyết phục.

2. Nghệ thuật lập luận

a. Cách nêu vấn đề nghị luận:

- Vấn đề nghị luận “một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc” được nêu ngắn gọn, trực tiếp bằng một vế của câu mở đầu. Điều đó giúp người đọc xác định dễ dàng vấn đề nghị luận.

b. Chiến thuật lập luận của tác giả:

- Luận điểm 1 được tác giả chứng minh qua lí lẽ và bằng chứng ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, triết học, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... Thực tế đó cho thấy, văn hoá Việt Nam là “văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị”.

- Lập luận của tác giả khá đặc biệt. Bắt đầu, ông không nói về cái có, mà nói về cái không của vốn văn hoá dân tộc. Điều này đi ngược với tư duy và thói quen “ca tụng” về dân tộc mình. Vì thế, người đọc thấy được đặc thù của lối văn “phát biểu ý kiến”, ít có trích dẫn cũng như ít đưa dẫn chứng (ở cấp độ cụ thể, chi tiết), vốn am hiểu sâu sắc các vấn đề hữu quan, để chia sẻ, tán đồng với tác giả. Tác giả đã sử dụng

Cụ thể: Khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, tác giả đã bộc lộ thái độ gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (tùy theo từng nhiệm vụ được giao). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm báo cáo sản phẩm: + Lượt 1: ++ Đại diện nhóm 1 báo cáo. Nhóm 2 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 1 + Lượt 2: ++ Đại diện nhóm 2 báo cáo. Nhóm 3 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 2 + Lượt 3: ++ Đại diện nhóm 3 báo cáo. Nhóm 4 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 3 + Lượt 4: ++ Đại diện nhóm 4 báo cáo. Nhóm 1 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 4 Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổ chức nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm theo Rubric và bảng kiểm, chốt vấn đề.	phép lập luận chứng minh, khẳng định sự đúng đắn của luận điểm. c. Nhận xét cách lập luận của văn bản: - Tác giả sử dụng lập luận chặt chẽ, logic để tăng tính thuyết phục cho bài viết. - Lập luận của tác giả đi từ khái niệm đến thực trạng, từ thực trạng đến giải pháp. 3. Sự kết hợp các thao tác nghị luận <table><tr><th>Thao tác</th><th>Ngữ liệu từ văn bản</th><th>Nhận xét sự kết hợp các thao tác</th></tr><tr><td>Giải thích</td><td>Khái niệm “vốn văn hoá dân tộc” là gì; vai trò, tầm quan trọng; những biểu hiện của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.</td><td rowspan="4">Kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt và hài hoà các thao tác nghị luận.</td></tr><tr><td>Chứng minh</td><td>Vai trò, tầm quan trọng của vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể (giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo nên sự khác biệt; góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật; nâng cao đời sống tinh thần cho con người); thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể về những mặt tích cực (ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc được nâng cao, nhiều di sản văn hoá được bảo tồn và phát huy) và những mặt hạn chế (ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai, sự mai một của một số giá trị văn hoá truyền thống).</td></tr><tr><td>So sánh</td><td>Vốn văn hoá dân tộc với các nền văn hoá khác trên thế giới; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc trong quá khứ và hiện tại.</td></tr><tr><td>Bình luận</td><td>Vai trò, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.</td></tr></table> 4. Mục đích, thái độ của người viết	Thao tác	Ngữ liệu từ văn bản	Nhận xét sự kết hợp các thao tác	Giải thích	Khái niệm “vốn văn hoá dân tộc” là gì; vai trò, tầm quan trọng; những biểu hiện của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.	Kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt và hài hoà các thao tác nghị luận.	Chứng minh	Vai trò, tầm quan trọng của vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể (giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo nên sự khác biệt; góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật; nâng cao đời sống tinh thần cho con người); thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể về những mặt tích cực (ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc được nâng cao, nhiều di sản văn hoá được bảo tồn và phát huy) và những mặt hạn chế (ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai, sự mai một của một số giá trị văn hoá truyền thống).	So sánh	Vốn văn hoá dân tộc với các nền văn hoá khác trên thế giới; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc trong quá khứ và hiện tại.	Bình luận	Vai trò, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.
Thao tác	Ngữ liệu từ văn bản	Nhận xét sự kết hợp các thao tác											
Giải thích	Khái niệm “vốn văn hoá dân tộc” là gì; vai trò, tầm quan trọng; những biểu hiện của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.	Kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt và hài hoà các thao tác nghị luận.											
Chứng minh	Vai trò, tầm quan trọng của vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể (giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo nên sự khác biệt; góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật; nâng cao đời sống tinh thần cho con người); thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể về những mặt tích cực (ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc được nâng cao, nhiều di sản văn hoá được bảo tồn và phát huy) và những mặt hạn chế (ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai, sự mai một của một số giá trị văn hoá truyền thống).												
So sánh	Vốn văn hoá dân tộc với các nền văn hoá khác trên thế giới; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc trong quá khứ và hiện tại.												
Bình luận	Vai trò, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.												

	a. Mục đích: Xem xét, đánh giá về văn hoá dân tộc. b. Thái độ khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam: - Thái độ nghiên cứu nghiêm túc từ vốn hiểu biết sâu sắc về văn hoá dân tộc, đã làm rõ những mặt tích cực và tiêu cực của nền văn hoá. - Thái độ khách quan nhìn vấn đề theo nhiều chiều hướng, nhiều mặt khác nhau, giúp vấn đề được nhìn nhận đầy đủ và toàn diện nhất. => Thể hiện rõ đặc điểm của nền văn hoá dân tộc, thúc đẩy chúng ta phát huy những điểm mạnh vốn có và khắc phục những hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay.
--	--

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

<i>Cấp độ</i> <i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i> <i>(4 điểm)</i>	<i>Khá</i> <i>(3 điểm)</i>	<i>Trung bình</i> <i>(2 điểm)</i>	<i>Cần điều chỉnh</i> <i>(1 điểm)</i>
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều

				chỉnh hoặc thay đổi.
--	--	--	--	----------------------

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Từ vốn hiểu biết sâu sắc về văn hóa dân tộc, tác giả đã phân tích rõ những mặt tích cực và một số hạn chế của văn hóa truyền thống - Nắm vững bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta có thể phát huy điểm mạnh, khắc phục những hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay. 2. Nghệ thuật - Văn phong khoa học, chính xác, mạch lạc - Bố cục rõ ràng, rành mạch - Lập luận xác đáng, dẫn chứng xác thực, lí lẽ sắc bén

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu văn bản <i>Nhìn về vốn văn hóa dân tộc</i> của tác giả Trần Đình Hượu, em hãy rút ra cách đọc hiểu một văn bản nghị luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận - Đọc kĩ văn bản, xác định vấn đề nghị luận (luận đề). - Xác định cấu trúc nghị luận. - Phân tích nội dung của luận đề, luận điểm. - Phân tích nghệ thuật lập luận. - Phân tích sự kết hợp các thao tác nghị luận. - Phân tích sự kết hợp các phương thức khác như miêu tả, tự sự,... - Xác định được mục đích, quan điểm của người viết.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****Nhiệm vụ:**

Câu 1. Chọn tất cả các đáp án thể hiện được ý nghĩa của văn bản *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*.

A. Nêu được khái niệm “vốn văn hoá dân tộc”, chỉ ra được thực trạng về những hạn chế và thế mạnh, ý nghĩa và giải pháp.

B. Tự hào về vốn văn hoá dân tộc: Nền văn hoá phong phú, đa dạng và mang đậm tính nhân văn mà cha ông ta đã dày công vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử.

C. Trách nhiệm giữ gìn và phát huy văn hoá Việt Nam.

D. Giữ gìn bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập quốc tế.

E. Tỏ cáo thế lực thực dân chà đạp văn hóa dân tộc.

F. Mong muốn văn hóa dân tộc sẽ có nhiều đổi mới phù hợp với thời đại công nghệ.

Câu 2. Nêu tất cả những dấu hiệu xác định văn bản *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* là văn bản nghị luận.

A. Trao đổi, bàn bạc, trình bày ý kiến về vốn văn hoá dân tộc (luận đề);

B. Hệ thống luận điểm;

C. Ở mỗi luận điểm lại có lí lẽ và dẫn chứng;

D. Có sự kết hợp các thao tác nghị luận;

E. Xác định được quan điểm, thái độ của người viết.

F. Thể hiện rõ ràng các cung bậc tình cảm.

G. Bối cảnh không gian, thời gian cụ thể.

Câu 3. Từ câu chủ đề “Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc là rất cần thiết”, hãy viết tiếp để hoàn thành đoạn văn diễn dịch (khoảng 150 chữ).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 2-3 HS trình bày kết quả
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Đáp án: A, B, C, D

Câu 2. Đáp án: A, B, C, D, E

Câu 3. Đoạn văn tham khảo:

Việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc giúp ta hiểu được những sắc thái, đặc thù riêng về văn hóa tạo thành nét đẹp đặc trưng riêng của dân tộc mình. Đó chính là cách để ta có thể trở về với nguồn gốc dân tộc mình để càng thêm trân trọng tinh hoa văn hóa qua từng thế hệ; từ đó có ý thức gìn giữ và lưu truyền đời đời con cháu mai sau. Không những thế khi tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc ta hiểu được mỗi dân tộc có một bản sắc riêng tạo thành một màu sắc trong cái chung của cả một quốc gia rộng lớn. Và cũng nhờ đó, ta hiểu được bản sắc văn hóa dân tộc là nơi con người giao lưu văn hóa, cùng nhau tôn vinh vẻ đẹp của quê hương mình, cũng là nơi con người gắn kết với nhau. Đó chính là tiền đề tạo nên sự đoàn kết dân tộc. Như vậy, khi tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc mình, ta đã tự tạo cho mình tấm khiên chống lại sự “hòa tan” khi hội nhập với bạn bè quốc tế, bởi trong bối cảnh toàn cầu hóa, bản sắc văn hóa dân tộc giúp cho đất nước được nhận diện rõ nét hơn. Tất cả các yếu tố văn hóa (như tiếng nói, chữ viết, phong tục, truyền thống, tôn giáo, trang phục, ẩm thực, kiến trúc) chính là minh chứng cho trí tuệ, sức mạnh của dân tộc. Bề dày lịch sử của dân tộc tỉ lệ thuận với sự đồ sộ của văn hóa. Hiểu về truyền thống văn hóa dân tộc chính là biểu hiện đẹp đẽ của tình yêu Tổ quốc tha thiết, nồng nàn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS (theo nhóm sở thích) tìm hiểu hoặc tái hiện một nét văn hóa của quê hương mình dưới những dạng thức khác nhau bằng ngôn ngữ, vũ đạo, diễn xuất, điêu khắc, hội họa,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS quay lại quá trình làm sản phẩm theo nhóm nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc nộp trực tiếp cho giáo viên (hạn sau 3 – 5 ngày).

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS, nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá sản phẩm vận dụng

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
----------	----------------	------

Hình thức	Đảm bảo hình thức loại hình nghệ thuật đã chọn	1,0
Nội dung	Thể hiện nét văn hóa của quê hương	
	Chọn được nét văn hóa đặc sắc	2,0
	Thể hiện được rõ nét sắc màu độc đáo của nét văn hóa đó	2,0
	Chuẩn mực đạo đức, đồng thời bộc lộ được tinh thần dân tộc và tình yêu đối với quê hương, đất nước	2,0
Trình bày	Thể hiện sinh động, hấp dẫn, đúng sắc màu văn hóa	2,0
Sáng tạo	Thể hiện được năng lực đặc biệt, chạm tới trái tim người thưởng thức	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Năng lực sáng tạo* (Trích - Phan Đình Diệu).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 28

VĂN BẢN 2: NĂNG LỰC SÁNG TẠO (Trích)

Phan Đình Diệu

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc**, giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

2. Phẩm chất: Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, hình ảnh, sơ đồ, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

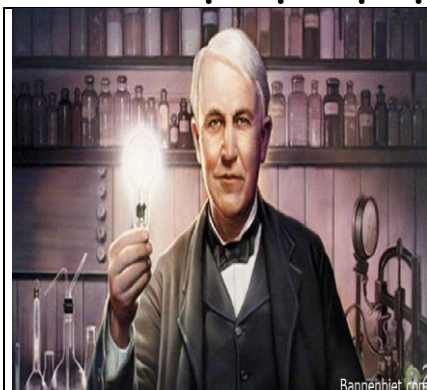
a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức
- Khơi gợi những năng lực sáng tạo trong mỗi HS

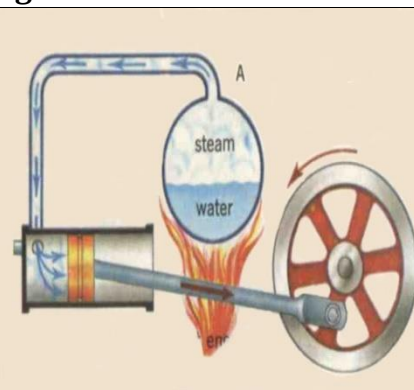
b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Đuổi hình bắt chữ**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

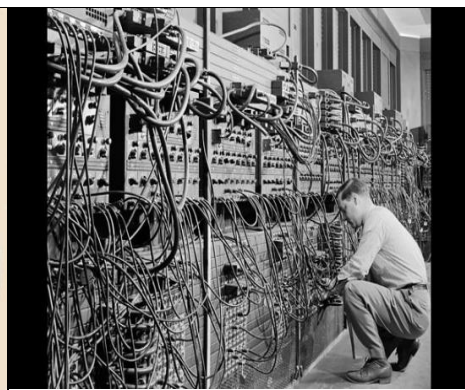
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ GV nêu vấn đề: - Quan sát từng hình ảnh (hình ảnh bên trên) và gọi tên theo lĩnh vực mà em biết. - Hãy chia sẻ với các bạn hiểu biết của em về một trong những sáng tạo đặc biệt trên. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu từng hình ảnh, lần lượt gọi HS xung phong trả lời nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện (nếu cần). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: Những phát minh trên là minh chứng rõ ràng của năng lực sáng tạo mà con người có. Vậy năng lực sáng tạo là gì? Bản chất của hoạt động sáng tạo, tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức như thế nào? Hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay nhé!	1. Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ - Hình 1. Bóng đèn sợi đốt – Ê-đi-xon (Vật lí - Kỹ thuật - Quang học) - Hình 2. Động cơ hơi nước – James Watt (Vật lí - Kỹ thuật – Cơ học) - Hình 3. Máy tính đầu tiên (Công nghệ - Tin học) - Hình 4. Nàng Mô-na Li-sa – Lê-ô-na Đờ Vanh-xi (Hội họa) - Hình 5. Lực sĩ ném đĩa (Điêu khắc) - Hình 6. Hải đăng A-lêch-xăng-đờ-ri-a (Kiến trúc) 2. HS chia sẻ về một trong những sáng tạo đặc biệt trên theo hiểu biết của cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Học sinh đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, văn bản.

c. Sản phẩm: Kết quả đọc, Phiếu học tập và thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu và hướng dẫn: - 3 HS lần lượt đọc từng phần của văn bản. - Lưu ý theo dõi các thẻ chỉ dẫn trong khi đọc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3 HS lần lượt đọc bài - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản a. Tác giả Phan Đình Diệu <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>1936-2018</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh</td></tr> <tr> <td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td>- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có</td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh	1936-2018	Quê quán	Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể								
Năm sinh	1936-2018								
Quê quán	Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh								
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có								

- GV nhận xét việc đọc của từng HS, gọi một số em nhắc lại cách giải nghĩa các từ ngữ khó trong văn bản. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc lại văn bản, kết hợp với tự tìm hiểu trước ở nhà, hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và văn bản: Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td></td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td></td></tr> <tr> <td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td></td></tr> <tr> <td>Tác phẩm chính</td><td></td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh		Quê quán		Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng		Tác phẩm chính		công đầu trong kế hoạch đào tạo và phát triển ngành tin học tại Việt Nam. - Ông là chuyên gia trong các lĩnh vực: toán học kiến thiết, lôgic toán, lý thuyết thuật toán, ô tômat và ngôn ngữ hình thức, lý thuyết mật mã và an toàn thông tin. - Là một nhà khoa học nổi tiếng, Phan Đình Diệu còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, có khát vọng đổi mới đất nước theo hướng hiện đại. <tr> <td>Tác phẩm chính</td><td> - <i>Nghĩ suy cùng đất nước</i> - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu. - Phan Đình Diệu - <i>Lý thuyết ô tômat và thuật toán</i>, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr - Phan Đình Diệu - <i>Tổng quan về công nghệ thông tin</i>, Hà Nội, 1998. ... </td></tr>	Tác phẩm chính	- <i>Nghĩ suy cùng đất nước</i> - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu. - Phan Đình Diệu - <i>Lý thuyết ô tômat và thuật toán</i>, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr - Phan Đình Diệu - <i>Tổng quan về công nghệ thông tin</i>, Hà Nội, 1998. ...
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể												
Năm sinh													
Quê quán													
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng													
Tác phẩm chính													
Tác phẩm chính	- <i>Nghĩ suy cùng đất nước</i> - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu. - Phan Đình Diệu - <i>Lý thuyết ô tômat và thuật toán</i>, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr - Phan Đình Diệu - <i>Tổng quan về công nghệ thông tin</i>, Hà Nội, 1998. ...												

| **Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản** | Phương diện tìm hiểu | Nội dung cụ thể | |---|-----------------| | Nhan đề | | | Thể loại | | | Tác giả đã giải thích như thế nào về khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo? | | | Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người? | | | Phạm vi của hoạt động sáng tạo. | | | **b. Văn bản *Năng lực sáng tạo*** | Phương diện tìm hiểu | Nội dung cụ thể | |---|--| | Nhan đề | <p>- Nguyên bài viết của Phan Đình Diệu có nhan đề <i>Năng lực sáng tạo: làm sao để có?</i></p> <p>- Khi đưa vào trong cuốn <i>Trên đường đến những chuẩn mực khoa học</i> (NXB Hà Nội) đã được đổi thành <i>Năng lực sáng tạo</i>.</p> <p>=> Nhan đề được sửa lại có tính khái quát hơn.</p> | | Thể loại | - Văn bản nhật dụng nghị luận xã hội. | | Tác giả đã giải thích như thế nào về khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo? | - Khái niệm sáng tạo là một loại hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là tinh thần riêng của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh mới mẻ hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí tưởng tượng. | |

Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?			- Năng lực sáng tạo là khả năng tư duy và trí tưởng tượng.
Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo và ý nghĩa của nó.		Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người?	Ý tưởng có vai trò là kết quả sáng tạo.
Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.		Phạm vi của hoạt động sáng tạo.	Từ mọi người trong xã hội, ai cũng có thể sáng tạo.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả và văn bản dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị. - HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.		Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?	Sự rung cảm, sự ấn tượng, môi trường thoải mái, trí tuệ nguyên lành, đôi mắt tươi sáng.
		Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo và ý nghĩa của nó.	Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo là tìm kiếm những cái mới, một tri thức mới hay một cách vận dụng mới của những tri thức đã có.
		Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.	Vai trò: trở thành chìa khóa chính cho mọi quốc gia đi vào tiến trình hội nhập.

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản - Lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản - Những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng trong văn bản - Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản a. Sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản

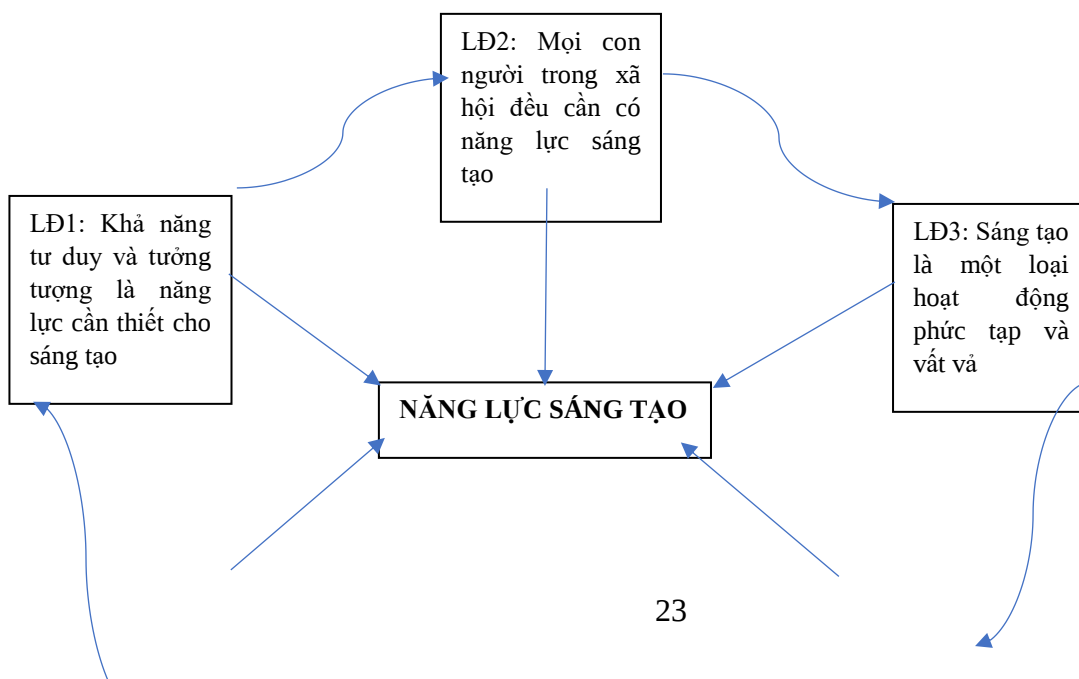
- GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận: Nhóm 1. Tìm hiểu luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản <u>Cụ thể:</u> 1. Theo bạn, luận đề của văn bản có được thể hiện rõ ở nhan đề không? Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung của văn bản và nhan đề. 2. Khi bàn về năng lực sáng tạo của con người, tác giả đã triển khai những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó. 3. Thiết kế sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề và hệ thống luận điểm trong văn bản. Nhóm 2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản <u>Cụ thể:</u> 1. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Việc trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng có phải là một cách nêu bằng chứng không? Vì sao? 2. Thiết kế bảng biểu thể hiện việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong văn bản. Nhóm 3. Tìm hiểu những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng trong văn bản 1. Những thao tác nghị luận nào được tác giả sử dụng để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác đó.	(Sơ đồ bên dưới) b. Nhận xét: - Luận đề: Luận đề đã được thể hiện rõ ở nhan đề của văn bản. - Hệ thống luận điểm: + Mối quan hệ luận đề - luận điểm: Hệ thống luận điểm hoàn toàn phù hợp với nhan đề - luận đề của văn bản. + Mối quan hệ giữa các luận điểm: Hiểu được bản chất của sáng tạo (luận điểm thứ nhất) => mới thấy được nó cần thiết như thế nào cho mọi người (luận điểm thứ hai) => Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa sáng tạo là chuyện dễ dàng, đơn giản (luận điểm thứ ba) => Trong bối cảnh kinh tế tri thức hiện nay, sáng tạo có vai trò hết sức to lớn (luận điểm thứ tư) => Sáng tạo là hoạt động chỉ con người mới có, điều đó đòi hỏi trong thời đại mới, cần tạo ra cộng năng sức mạnh giữa công nghệ hiện đại với trí tuệ của con người (luận điểm thứ năm). => Các luận điểm trong văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> được triển khai một cách logic, chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết với nhau. 2. Lí lẽ và bằng chứng <table><tr><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ</th><th>Nhận xét lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th><th>Nhận xét bằng chứng</th></tr><tr><td>LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần thiết cho sáng tạo.</td><td>Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ có thể xuất hiện như ánh chớp qua quá trình “tích tụ trí tuệ đến tột cùng”.</td><td>- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn gắn với việc làm rõ hoạt động</td><td>Các trích dẫn.</td><td>- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở luận điểm thứ nhất, thứ hai, thứ ba.) - Bằng chứng được nêu bằng cách</td></tr><tr><td>LD2: Mọi con người trong xã hội</td><td>Sáng tạo không phải là độc quyền của trí thức, mà gắn với hoạt động của mọi</td><td>sáng tạo của cá thể và của cộng</td><td>Giới thiệu tài liệu nói đến</td><td>chỉ dẫn tài liệu mà người đọc cần tham khảo (ở luận điểm thứ</td></tr></table>	Luận điểm	Lí lẽ	Nhận xét lí lẽ	Bằng chứng	Nhận xét bằng chứng	LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần thiết cho sáng tạo.	Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ có thể xuất hiện như ánh chớp qua quá trình “tích tụ trí tuệ đến tột cùng”.	- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn gắn với việc làm rõ hoạt động	Các trích dẫn.	- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở luận điểm thứ nhất, thứ hai, thứ ba.) - Bằng chứng được nêu bằng cách	LD2: Mọi con người trong xã hội	Sáng tạo không phải là độc quyền của trí thức, mà gắn với hoạt động của mọi	sáng tạo của cá thể và của cộng	Giới thiệu tài liệu nói đến	chỉ dẫn tài liệu mà người đọc cần tham khảo (ở luận điểm thứ
Luận điểm	Lí lẽ	Nhận xét lí lẽ	Bằng chứng	Nhận xét bằng chứng												
LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần thiết cho sáng tạo.	Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ có thể xuất hiện như ánh chớp qua quá trình “tích tụ trí tuệ đến tột cùng”.	- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn gắn với việc làm rõ hoạt động	Các trích dẫn.	- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở luận điểm thứ nhất, thứ hai, thứ ba.) - Bằng chứng được nêu bằng cách												
LD2: Mọi con người trong xã hội	Sáng tạo không phải là độc quyền của trí thức, mà gắn với hoạt động của mọi	sáng tạo của cá thể và của cộng	Giới thiệu tài liệu nói đến	chỉ dẫn tài liệu mà người đọc cần tham khảo (ở luận điểm thứ												

2. Thiết kế bảng biểu thể hiện việc sử dụng những thao tác nghị luận của tác giả trong văn bản. Nhóm 4. Tìm hiểu tư tưởng, thái độ của người viết 1. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, năng lực sáng tạo có vai trò như thế nào đối với mỗi người và đối với đất nước? 2. Tác giả thể hiện tư tưởng gì khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Vòng 1: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm theo nhiệm vụ cụ thể. Vòng 2: HS thiết lập nhóm mới (với thành phần gồm đầy đủ thành viên trong 4 nhóm cũ) thảo luận, trao đổi các vấn đề đã tìm hiểu ở vòng 1. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Gv gọi đại diện HS các nhóm báo cáo kết quả. - Các HS khác theo dõi, đánh giá và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề.	đều cần có năng lực sáng tạo.	người, thuộc mọi lĩnh vực. Bất cứ lĩnh vực nào cũng cần sáng tạo, ở lĩnh vực nào con người cũng thể hiện được khả năng sáng tạo của mình.	đồng. - Lí lẽ luôn hướng tới tính phổ quát trong nhận thức	mười chìa khóa hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo.	hai). - Bảng chứng được nêu ở dạng khái quát thực tế hiển nhiên (ở luận điểm thứ tư, thứ năm). => Trong văn bản này, việc trích dẫn ý kiến của một số nhà khoa học nổi tiếng cũng là một cách nêu bằng chứng, bởi những ý kiến đó đúc
	LD3: Sáng tạo là một loại hoạt động phức tạp và vất vả.	Sáng tạo không còn là việc của từng cá nhân, mà phải trở thành vấn đề chiến lược của mọi quốc gia.	về vấn đề năng lực sáng tạo, cho nên có sự kết hợp	Câu nói của Ê-đi-xon.	kết suy nghĩ và trải nghiệm phong phú của các nhà khoa học; được xem như chân lý, không cần bàn cãi. Những ý kiến như vậy
	LD4: Sáng tạo có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế tri thức.	Khẳng định năng lực sáng tạo làm nên sức mạnh và sức cạnh tranh của một nền kinh tế.	giữa ý kiến cá nhân người viết với ý kiến đã được khẳng định	Khái quát thực tế hiển nhiên.	có tác dụng rất lớn trong việc củng cố lí lẽ của người viết.
	LD5: Sáng tạo là một năng lực mà chỉ con người mới có.	Để có thể sáng tạo cần huy động nhận thức, xúc cảm, bản lĩnh, sự tinh tế, thông minh,... đây vốn là những	của nhiều người.	Khái quát thực tế hiển nhiên.	

	điều chỉ có ở con người.			
3. Thao tác nghị luận				
Thao tác nghị luận	Biểu hiện	Nhận xét sự phối hợp giữa các thao tác nghị luận		
Thao tác chứng minh	Luận điểm có sử dụng ý kiến của một số nhà khoa học có uy tín để làm sáng tỏ vấn đề; luận điểm giới thiệu tài liệu nói đến mười chìa khóa hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo;...	- Tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều thao tác lập luận một cách hiệu quả để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo: + Làm rõ bản chất vấn đề (thao tác giải thích); + Chia tách các khía cạnh cũng như các biểu hiện của hoạt động sáng tạo (thao tác phân tích); + Hiểu sâu hơn về vấn đề; củng cố lí lẽ, gia tăng hiệu quả lập luận (thao tác chứng minh); + Phản bác cách nhìn đơn giản về vấn đề chủ thể sáng tạo (thao tác bác bỏ); + Đánh giá được vai trò to lớn và sự cần thiết của năng		
Thao tác bình luận	Được sử dụng để đánh giá vai trò của năng lực sáng tạo. Có những sáng tạo lớn làm nên những tên tuổi lẫy lừng, nhưng đối với đại đa số con người bình thường, sáng tạo đem đến niềm vui, hạnh phúc thầm lặng, tạo nên một cuộc sống có ý nghĩa.			
Thao tác bác bỏ	Người viết phản bác quan điểm cho rằng, sáng tạo chỉ gắn với hoạt động của các trí thức, từ đó khẳng định, mọi người đều có thể tham gia sáng tạo.			
Thao tác giải thích	Ở luận điểm thứ nhất, tác giả đã giải thích bản chất của sáng tạo (“hoạt động sáng tạo là một hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí tưởng tượng”).			
Thao tác phân tích	Quan sát luận điểm cuối cùng ta thấy tác giả đã phân tích để làm rõ biểu hiện sáng tạo ở từng bộ óc cá thể cũng như ở			

	sự tiếp xúc, trao đổi giữa các bộ óc; sự “cộng năng” sức mạnh công nghệ với trí tuệ của từng người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc.	lực sáng tạo (thao tác bình luận). - Việc phối hợp các thao tác lập luận giúp bài viết có tính logic, chặt chẽ, thuyết phục và kích thích tư duy của người đọc.
4. Tư tưởng, thái độ của người viết - Tư tưởng của tác giả khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người: năng lực sáng tạo là phẩm chất thiết yếu, có thể phát triển, cần tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, cần được ứng dụng vào thực tiễn và đó là chìa khoá cho tương lai,... - Bên cạnh những tư tưởng chính trên, tác giả còn thể hiện những quan điểm khác như: năng lực sáng tạo gắn liền với tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, năng lực sáng tạo cần được phát triển ngay từ khi còn nhỏ và mỗi người cần có ý thức rèn luyện năng lực sáng tạo cho bản thân. => Tác giả thể hiện tư tưởng tích cực về năng lực sáng tạo của con người. Có thể khẳng định: khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức – đó là tư tưởng chính được Phan Đình Diệu gửi gắm vào bài viết này.		

Sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản



LD5: Sáng tạo là một năng lực mà chỉ con người mới có

LD4: Sáng tạo có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế tri thức



2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy nhớ câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả trong 01 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung Văn bản nói về tầm quan trọng của sự sáng tạo trong đời sống con người, giúp con người có cuộc sống hiện đại và tốt đẹp hơn. 2. Nghệ thuật - Văn phong khoa học, chính xác, mạch lạc. - Lập luận xác đáng, dẫn chứng phong phú, lí lẽ sắc bén, linh hoạt.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu văn bản Năng lực sáng tạo của tác giả Phan Đình Diệu, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).	IV. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận - Đọc bao quát văn bản để nắm được luận đề và hệ thống luận điểm. - Phân tích mối quan hệ giữa luận đề và hệ thống luận điểm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	- Phân tích và chỉ ra hiệu quả của sự kết hợp các thao tác nghị luận. - Xác định được tư tưởng, quan điểm của người viết. ...
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS và đoạn văn khoảng 150 chữ xoay quanh ý: Sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Nêu ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo*.

Câu 2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân: Câu 1 khoảng 2 phút; câu 2 khoảng 7- 10 phút (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả câu 1 (câu 2 thực hiện vào tiết học sau hoặc vào tiết ôn tập buổi chiều).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo*:

- Văn bản đã giải thích được năng lực sáng tạo là gì, phạm vi, bản chất, vai trò của năng lực sáng tạo, những điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo.

- Khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức.

Câu 2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

- Nội dung: Khẳng định sự sáng tạo giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

+ Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có?

+ Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào?

- Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

GV có thể tổ chức cho HS đánh giá bài viết của bạn theo bảng kiểm:

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt

Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.		
Xác định đúng vấn đề nghị luận		<i>Sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.</i>		
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có?		
		Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào?		
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm.		
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.		
	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.		
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.		

Đoạn văn tham khảo

Những sáng tạo của con người trong lao động đã giúp nhân loại vượt lên trên loài vật sáng tạo ra những sản phẩm kỳ diệu mà thiên nhiên hào phóng không thể có được. Một chuỗi những phát minh, sáng chế đã khiến chúng ta phải thay đổi cách nhìn nhận thế giới. Những kỳ quan vĩ đại thời cổ đại, những bức tranh của những danh họa thiên tài thời Phục hưng, những phát minh, sáng chế của các nhà khoa học kiệt xuất thời cận, hiện đại đã tạo nên nền văn minh rực rỡ sán lạn, tạo nên sức mạnh to lớn của con người trong việc chinh phục cải tạo tự nhiên, xã hội và làm chủ bản thân mình. Rõ ràng, khi các nhà khoa học đưa ra được những ý tưởng hay và có thể biến chúng thành thực tế, điều đó có thể đem đến những tiến bộ vượt bậc cho văn minh nhân loại. Trong thế giới ngày nay, sáng tạo, đó chính xác là nhiên liệu thúc đẩy sự phát triển của văn hóa, kinh tế, xã hội,... Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển như vũ bão cùng với thời đại của nền kinh tế tri thức khiến cho tài năng sáng tạo của con người có điều kiện phát triển cao độ. Và cũng chính năng lực sáng tạo của con người sẽ hứa hẹn đem lại những thành tựu hết sức lớn lao. Hơn nữa toàn cầu hoá, trước hết là toàn cầu hoá kinh tế đã đặt ra cho mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng người phải trở nên năng động sáng tạo hơn trong kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị..., nếu không sẽ không tránh khỏi nguy cơ bị đào thải khỏi quỹ đạo phát triển chung của nhân loại.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Năng lực sáng tạo* để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.
- b. Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- c. Sản phẩm:** Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS (theo nhóm sở thích) sáng tạo một sản phẩm bất kì tùy thuộc năng lực cá nhân (ngôn ngữ, vũ đạo, diễn xuất, điêu khắc, hội họa,...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS kết nối với cuộc sống, hiểu năng lực bản thân cùng sở thích với bạn, sáng tạo sản phẩm phù hợp.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm vào tiết học ngoại khóa hoặc buổi chiều ôn tập.
- Các HS khác quan sát, nhận xét, đánh giá theo hướng dẫn của GV.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.
- GV nhận xét, đánh giá, chọn ra những sản phẩm tốt nhất để trao thưởng hoặc cho điểm.

Rubric đánh giá sản phẩm sáng tạo của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức loại hình nghệ thuật đã chọn.	2,0
Nội dung	Thể hiện một vấn đề xã hội nhân văn.	3,0
Trình bày	Trình bày sinh động, hấp dẫn.	2,0
Sáng tạo	Thể hiện được năng lực đặc biệt, chạm tới trái tim người thưởng thức.	3,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** VB3: *Mấy ý nghĩ về thơ* (Trích – Nguyễn Đình Thi).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 29,30

VĂN BẢN 3: MÂY Ý NGHĨ VỀ THƠ (Trích)

Nguyễn Đình Thi

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mây ý nghĩ về thơ*.
- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Mây ý nghĩ về thơ* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Yêu thích thơ ca, bồi dưỡng tâm hồn, có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức
- Khơi gợi những năng lực cảm thụ thơ, đánh giá thơ, bình thơ trong mỗi HS

b. Nội dung hoạt động: HS nghe đọc thơ và cảm bình ngắn gọn

c. Sản phẩm: Cảm bình về thơ của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Thực hiện trò chơi nhỏ: Tôi yêu thơ, bạn cũng yêu thơ	HS nghe/ đọc thơ và cảm bình về đẹp của bài thơ, có thể:

Nhiệm vụ:

1. Nghe/ đọc bài thơ (trên màn hình tivi/máy chiếu) sau:

Bài số 52

*Vì sao ngọn đèn lại tắt?
 Tôi đã lấy áo tôi che gió cho ngọn đèn,
 chính vì vậy mà ngọn đèn đã tắt.
 Vì sao hoa lại tàn?
 Tôi ghì nó vào lòng tôi
 Với một tình yêu khắc khoải,
 chính vì vậy mà hoa đã tàn.
 Vì sao dòng suối cạn khô đi?
 Tôi đã đắp một con đê qua dòng suối
 để sử dụng cho riêng tôi,
 chính vì vậy mà dòng suối cạn.
 Vì sao dây đàn đã đứt?
 Tôi đã cố đưa một nốt cao quá sức của nó,
 chính vì vậy mà dây đàn đã đứt.*

(Nguồn: <https://www.thivien.net/Tagore Rabindranath>)

2. Cảm bình ngắn gọn về vẻ đẹp của bài thơ trên.

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

HS xung phong tham gia trò chơi, đọc bài thơ, bình giá ngắn gọn theo cảm nhận cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá.
- GV chốt lại một số vẻ đẹp của thơ ca.
- GV dẫn vào bài

- Nội dung bài thơ mang tính triết lý sâu sắc:

+ Sự mâu thuẫn trong cuộc sống – Thứ gì ta càng yêu quý, càng muốn bảo vệ, càng muốn sở hữu, càng muốn nắm giữ... thì nó lại càng tự động rời xa ta.

+ Cần trân trọng, yêu quý những gì nhỏ nhất quanh ta,...

- Đặc sắc nghệ thuật làm nên vẻ đẹp bài thơ:

+ Biện pháp tu từ: Điệp, câu hỏi tu từ gọi nhiều lần trở,...

+ Hình ảnh giàu tính biểu tượng,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**2.1. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản**

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, văn bản.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, văn bản và hoàn thành phiếu học tập. Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả	I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản 1. Tác giả <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>- Ông sinh tại Luông Pha – bang (Lào)</td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh	- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)	Quê quán	- Ông sinh tại Luông Pha – bang (Lào)
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể						
Năm sinh	- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)						
Quê quán	- Ông sinh tại Luông Pha – bang (Lào)						

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Năm sinh	
Quê quán	
Vị trí, vai trò, đóng góp	
Tác phẩm chính	

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản	
Thể loại văn bản	
Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1	
Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm mục đích gì?	
Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3	
Ở phần 4 người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?	

	- Quê gốc ở làng Vũ Thanh (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội.
Vị trí, vai trò, đóng góp	- Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.
Tác phẩm chính	- Các tiểu thuyết như: <i>Xung kích</i> (1951), <i>Vào lửa</i> (1966); - Các tập thơ như: <i>Người chiến sĩ</i> (1956), <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (1958); - Các vở kịch như: <i>Con nai đen</i> (1961), <i>Rừng trúc</i> (1978); - Các tập tiểu luận, phê bình như: <i>Mấy vấn đề về văn học</i> (1956), <i>Công việc của người viết tiểu thuyết</i> (1964),...

2. Văn bản

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản	Tiểu luận <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> được viết trong hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc vào năm 1949, sau đó in trong tập <i>Mấy vấn đề văn học</i> .
Thể loại văn bản	Nghị luận văn học
Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1	Những quan niệm đều được tác giả chọn lọc và đưa ra nhận xét rất chính xác, tài hoa.

Ở phần 5 tác giả quan niệm như thế nào về văn và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?		Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm mục đích gì?	Câu hỏi tu từ làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS 2 cặp trình bày kết quả. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.		Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3	- Khẳng định vai trò quan trọng của thơ - Nhận định thơ phải có ý tưởng, ý thức kết hợp với cảm xúc cá nhân - Làm thơ hay phải biết tìm hình ảnh phù hợp.
		Ở phần 4 người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?	Bàn luận về sức gợi, sự biểu tượng mà thơ đem đến.
		Ở phần 5 tác giả quan niệm như thế nào về văn và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?	Đó đều là những thành phần vô cùng quan trọng trong thơ để cấu thành một tác phẩm thơ hoàn chỉnh.

2.2: Đọc và khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ*.
- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và mối quan hệ giữa các luận đề - luận điểm; lí lẽ - bằng chứng; các thao tác nghị luận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

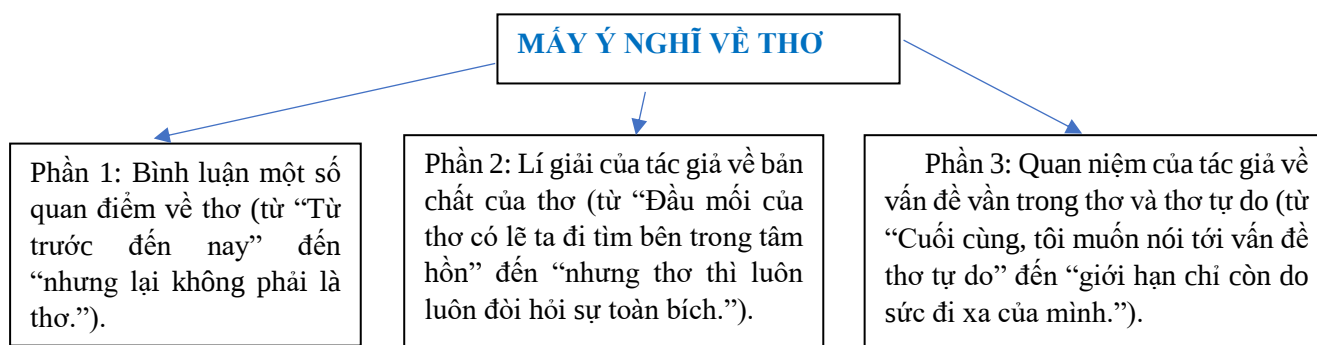
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<u>NV1. Đọc văn bản</u> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu 5 HS đọc văn bản (mỗi HS đọc một phần theo đánh số SGK).	II. Đọc và khám phá văn bản 1. Đọc văn bản 2. Khám phá văn bản

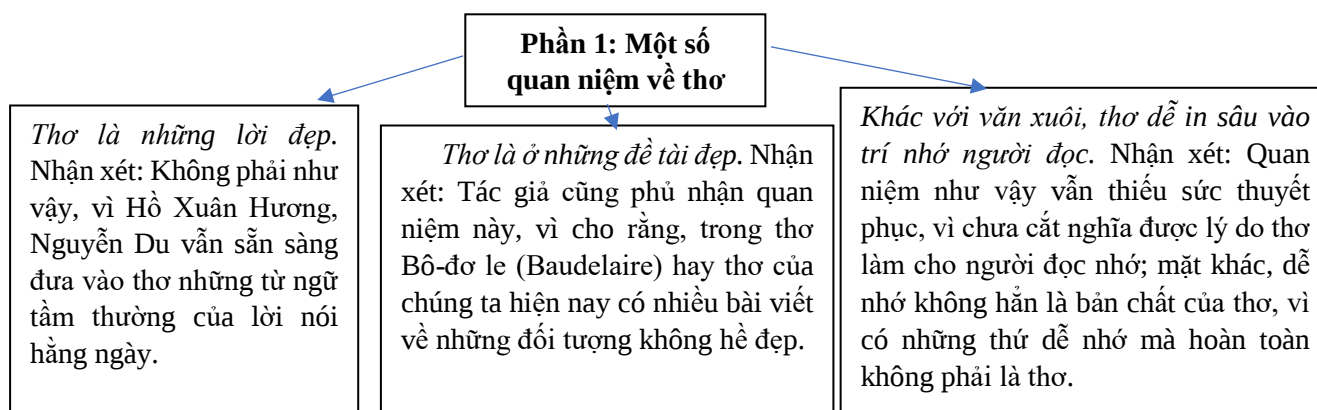
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 5 HS đọc văn bản. - HS khác đọc thầm và nhận xét cách bạn đọc. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HS đọc, có thể đọc mẫu một số phần. <u>NV2. Khám phá văn bản</u> 1. Tìm hiểu cấu trúc tầng bậc của văn bản nghị luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận theo các câu hỏi từ 1 – 4 trong SGK và hoàn thành sơ đồ cho câu hỏi 1 – 3, bảng biểu cho câu hỏi 4. Cụ thể: Nhóm 1: Thiết kế sơ đồ tóm lược nội dung từng phần của văn bản (theo số thứ tự) và nêu mối quan hệ giữa các phần. Nhóm 2: Xác định luận đề của văn bản. Thiết kế sơ đồ mạch ý cho Phần 1 văn bản (theo gợi ý: Ở phần 1 của văn bản, những quan niệm nào về thơ đã được tác giả nêu lên để nhận xét? Mục đích của việc nhận xét đó là gì?) Nhóm 3: Thiết kế sơ đồ: Chỉ ra các luận điểm thể hiện quan niệm của tác giả về thơ, phân tích cách triển khai một luận điểm tiêu biểu. Nhóm 4: Lập bảng (theo gợi ý: Theo tác giả, điều gì đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ? Tác giả đã dùng những thao tác nghị luận nào để làm sáng tỏ điều đó?) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm 1, 2, 3, 4 thảo luận, hoàn thiện sơ đồ và bảng kiến thức. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm học sinh tiếp nối nhau theo thứ tự nhóm gắn sơ đồ bảng biểu nhóm mình lên bảng lớn hoàn thiện cấu trúc tầng bậc của một văn bản nghị luận - HS nhận xét lẫn nhau, góp ý, bổ sung, hoàn thiện sơ đồ cấu trúc văn bản. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét theo bảng kiểm, chốt kiến thức. 2. Tìm hiểu quan điểm của người viết và sự tác động của văn bản tới công chúng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh hoàn thành phiếu khảo sát tại nhà (Có thể viết trực tiếp lên phiếu hoặc thực hiện trên Google Form) Phiếu khảo sát	a. Cấu trúc tầng bậc của văn bản nghị luận: * Bố cục văn bản - Bố cục văn bản (Phụ lục 1 bên dưới) - Nhận xét mối quan hệ các phần: Các phần có quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Bình luận một số quan niệm về thơ (phần 1) là cơ sở để tác giả đưa ra ý kiến của mình về bản chất của thơ (phần 2) Những diễn giải về bản chất của thơ trở nên đầy đủ hơn khi bàn luận thêm một số yếu tố quan trọng của hình thức thơ (phần 3) * Luận đề - luận điểm trong văn bản - Luận đề: Văn bản bàn bạc quan niệm về thơ. - Luận điểm của Phần 1 (Phụ lục 2 bên dưới) - Mục đích của việc nhận xét ở phần 1 của văn bản: hướng người đọc vượt qua những ngộ nhận, xác định sự cần thiết phải hiểu về thơ một cách sâu sắc, căn bản hơn. Đây cũng là cách đặt vấn đề cho việc trình bày quan niệm của tác giả ở phần sau. * Lí lẽ - dẫn chứng trong văn bản (Phụ lục 3 bên dưới) * Các thao tác lập luận trong văn bản (Phụ lục 4 bên dưới) 2. Quan điểm của người
--	--

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân	viết và sự tác động của văn bản tới công chúng HS thể hiện quan điểm cá nhân theo phiếu khảo sát (Phụ lục 5 bên dưới)
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?		
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?		
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ được giao. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu một số phiếu khảo sát đã hoàn thành. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.		

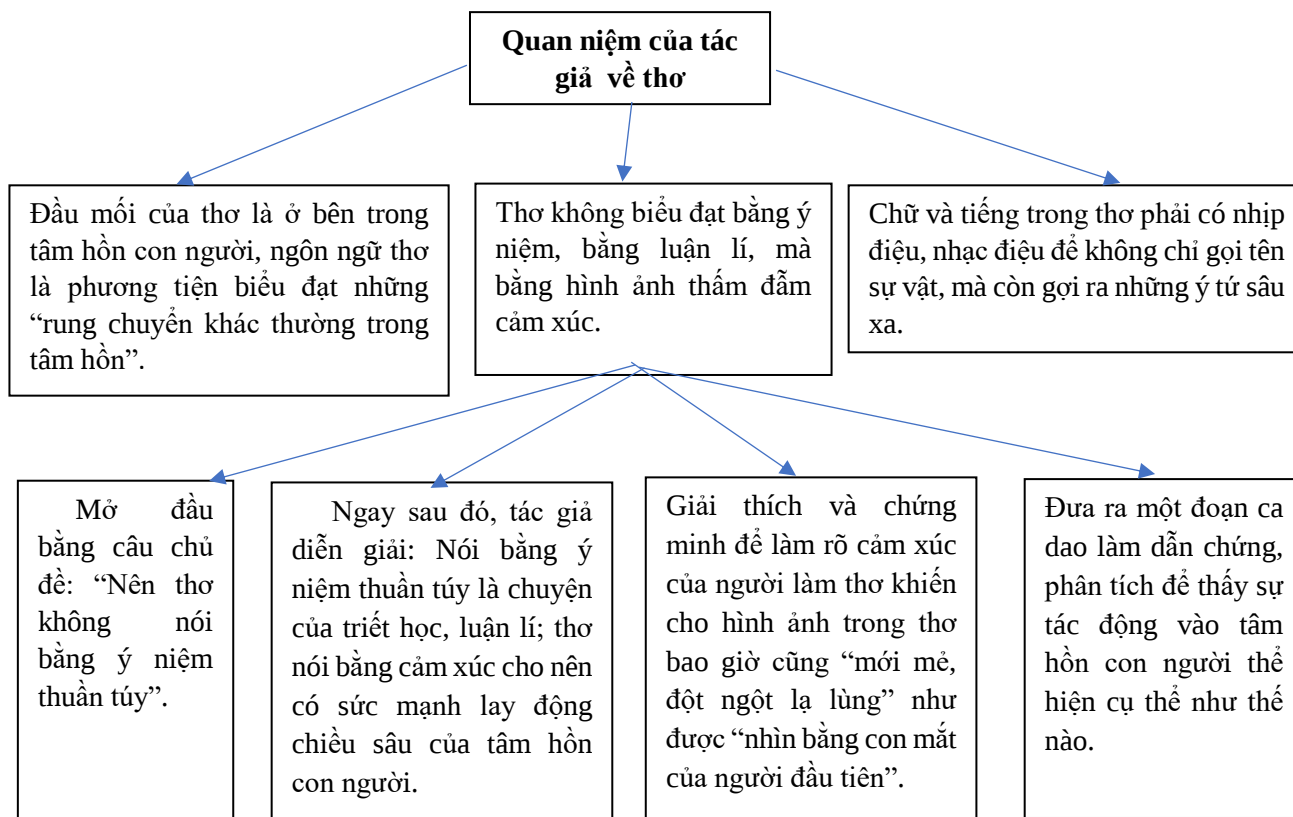
Phụ lục 1: Bố cục văn bản



Phụ lục 2: Luận điểm của Phần 1



Phụ lục 3: Lí lẽ - dẫn chứng cho 1 luận điểm của Phần 1



Phụ lục 4: Các thao tác lập luận trong văn bản

Quan niệm của tác giả về bản chất của sáng tạo thơ	
Thao tác	Biểu hiện
Giải thích	Bản chất của việc làm thơ: “Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống”. => Sáng tạo thơ là tìm phương tiện phù hợp để biểu đạt những rung cảm khác thường của tâm hồn nhà thơ trước cuộc sống. Người làm thơ phải thực sự sống, gắn bó sâu sắc với thực tại, từ đó nảy sinh cảm xúc chân thực, mạnh mẽ.
Chứng minh	Hình ảnh “trời xanh”, “mưa phùn” và sự tác động của chúng vào hồn người; đoạn ca dao được dẫn ra để cho thấy thơ tác động đến tâm hồn con người chứ không phải đến nhận thức lí trí.
Bình luận	tư tưởng trong thơ không phải là tư tưởng thuần túy, mà là “tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống”, “nằm ngay trong cảm xúc, tình tự”.
Bác bỏ	“Thơ không nói bằng ý niệm thuần túy”, vì “nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí [...] chứ không có thơ”,...
Như vậy, các thao tác nghị luận đã được tác giả phối hợp nhuần nhuyễn, khiến cho quan điểm về sáng tạo thơ có sức thuyết phục.	

Phụ lục 5: Phiếu khảo sát

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùnng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?	
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?	
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?	

Tham khảo một phiếu khảo sát sau khi hoàn thành

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùnng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?	Cần có một cái nhìn khoáng đạt, chấp nhận mọi tìm tòi để cách tân thơ, làm cho thơ luôn luôn mới, phù hợp với xu thế chung của thơ thế giới.
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?	Mặc dù bài viết của Nguyễn Đình Thi ra đời từ năm 1949, nhưng với sự hiểu biết sâu sắc về thơ, có trải nghiệm cá nhân về sáng tác, bao quát được tình hình sáng tác thơ trong một giai đoạn văn học, tác giả đã nêu được những ý kiến cho đến nay vẫn còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ. Những ý kiến được trình bày trong bài viết như đầu mối của thơ là ở bên trong tâm hồn con người; thơ là tiếng nói của cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng của thơ phải nằm trong cảm xúc; hình ảnh có vai trò rất lớn trong việc biểu đạt nội dung cảm xúc thơ; ngôn từ trong thơ cần được lựa chọn kĩ lưỡng, phải có nhịp điệu, giai điệu; thơ có thể có vần hoặc không vần; thơ có thể tìm kiếm mọi hình thức biểu hiện khác nhau;... đều rất thoả đáng, phù hợp với thơ hiện nay.
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất	Một số nét về bản chất của thơ có thể rút ra từ văn bản - Thơ là tiếng nói của tình cảm, thể hiện những rung động mãnh liệt của chủ thể trước cuộc sống - Ý tứ của thơ phải biểu hiện qua những hình ảnh thấm đẫm cảm xúc của chủ thể. - Ngôn ngữ thơ phải có nhịp điệu, giàu nhạc tính, tác động mạnh vào tâm hồn người đọc. - Thơ có nhiều hình thức biểu hiện rất phong phú, thơ cách luật hoặc thơ tự do, có vần hoặc không vần,... điều quan trọng là phải diễn tả đúng tâm hồn

của thơ và việc đọc thơ?		của con người.
	Một số gợi ý của tác giả cho việc đọc thơ	- Đọc thơ cần có những rung cảm thực sự để thâm nhập vào cảm xúc của bài thơ. - Đọc thơ cần có những kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ thơ để hiểu được giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức trong bài thơ.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài tiểu luận nêu lên những quan niệm mới mẻ, có chiều sâu về thơ, trong đó có những suy nghĩ, đề xuất của tác giả có thể gọi là táo bạo trong hoàn cảnh năm 1949 lúc bấy giờ: + Tác giả khẳng định thơ là tiếng nói tâm hồn của con người, nhưng tâm hồn đó phải có tư tưởng và được biểu hiện bằng hình ảnh, nhịp điệu, nhạc điệu và ngôn ngữ. + Đường đi của thơ là con đường đi thẳng vào tình cảm, từ trái tim nhà thơ đến với trái tim người đọc. + Thơ là tổng hợp, kết tinh, thơ luôn đòi hỏi sự toàn bích. + Về thơ tự do, thơ không vần, tác giả có một quan niệm mới mẻ, táo bạo: “không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ”. Đây là một sự phá cách đối

- GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	với thơ truyền thống nhưng lại cho ta thấy sự quan tâm đến chất lượng thơ của Nguyễn Đình Thi. 2. Nghệ thuật - Bài nghị luận về quan niệm thơ được viết ra với những suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ, có ý nghĩa cách tân, in đậm bản lĩnh và những trải nghiệm về thơ của Nguyễn Đình Thi, lại được viết bằng một tư duy trong sáng, một lập luận chặt chẽ và một cách viết tài hoa. - Thơ là một lĩnh vực khá trừu tượng, khó nắm bắt nhưng cách viết của tác giả lại dễ hiểu, cuốn hút người đọc vào vấn đề để cùng trao đổi, đối thoại. - Văn lí luận của Nguyễn Đình Thi giàu hình ảnh, mang hơi thở của cuộc sống và nhiệt tình của người viết: đó là những yếu tố làm nên nét riêng và sức hấp dẫn của bài tiểu luận này.
---	--

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu văn bản <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> của tác giả Nguyễn Đình Thi, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc. - Phân tách từng lớp văn bản (Các phần của văn bản, luận đề - luận điểm từng phần, lí lẽ - dẫn chứng từng luận điểm, thao tác lập luận từng luận điểm,...). - Tìm hiểu quan điểm của người viết. - Xem xét tác động của văn bản tới bạn đọc và thời đại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, kết nối đọc và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của HS về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của bạn về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

Có thể theo gợi ý sau:

- Về nội dung:
 - + Bài thơ là tiếng nói cảm xúc, thể hiện những trạng thái tình cảm của chủ thể trữ tình trước đời sống;
 - + Bài thơ phải biểu đạt cảm xúc bằng những phương tiện nghệ thuật có khả năng tác động mạnh vào tình cảm của người đọc;
 - + Những rung cảm mà người đọc có được là nhờ nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức của thơ.
- Về cách thức, dung lượng: Chú ý cách tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp) cũng như đảm bảo yêu cầu về dung lượng của đoạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (khoảng 7-10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, đánh giá, hướng dẫn viết:

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí		Mô tả tiêu chí	Kết quả	
			Đạt	Không đạt
Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ (diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp)		
Xác định đúng vấn đề nghị luận		<i>Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.</i>		
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Bài thơ là tiếng nói cảm xúc, thể hiện những trạng thái tình cảm của chủ thể trữ tình trước đời sống,		
		Bài thơ phải biểu đạt cảm xúc bằng những phương tiện nghệ thuật có khả năng tác động mạnh vào tình cảm của người đọc;		
		Những rung cảm mà người đọc có được là nhờ nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức của thơ.		
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm.		

	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.		
	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.		
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.		

Đoạn văn tham khảo

Giữa ngôn từ có một khoảng trống mà chỉ có sự đồng điệu từ độc giả với những nỗi lòng, những tâm tư của nhà thơ mới có thể lấp đầy. Bởi vậy ta sẽ đau cùng Nguyễn Du khi thấy Kiều bị đọa đày, ta sẽ bùng cháy lòng yêu nước trong những khúc ca của Lê Anh Xuân, ta sẽ đắm say cùng tình yêu trong cái nhìn rạo rực của Xuân Diệu,... Để viết nên những vần thơ có sức lay động thực sự, có khả năng vượt qua mọi định luật băng hoại của thời gian và không thừa nhận cái chết (Saltykov-Shchedrin), thì tim anh phải đập, máu anh phải sôi, anh phải lặn sâu vào giữa đời, để không ngừng tìm tòi khám phá mà khơi ra những nguồn chưa ai khơi. Từ đó, những vần thơ anh khơi dậy những rung động sâu sắc trong tâm hồn con người, làm phong phú thế giới cảm xúc của con người, khiến con người vươn tới ước mơ sống tốt hơn, đẹp hơn. Đương nhiên, để làm được điều đó anh phải sống hết mình cho thơ để đem đến những câu tứ mới lạ, những ngôn từ ẩn chứa sức sống sâu xa, những hình ảnh giàu sức gợi có thể mở ra được cả chân trời bao la trong tâm trí người đọc,... *Bài thơ đúng là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Sổ sưu tầm thơ và những lời bình thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS tạo lập sổ sưu tầm thơ và những lời bình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ sản phẩm sưu tầm, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét tinh thần sưu tầm sản phẩm của HS, biểu dương và trao thưởng theo tuần.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.

- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: Thực hành đọc: *Cảm hứng và sáng tạo* (Trích – Nguyễn Trần Bạt).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

THỰC HÀNH ĐỌC (hướng dẫn HS học tại nhà)

CẢM HỨNG VÀ SÁNG TẠO (Trích)

Nguyễn Trần Bạt

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề *Cảm hứng và sáng tạo* của văn bản.
- Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Cảm hứng và sáng tạo* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Biết nuôi dưỡng những cảm hứng tích cực, trau dồi khả năng sáng tạo và lan tỏa những giá trị văn hóa, thúc đẩy sự phát triển của bản thân và xã hội,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, hình ảnh liên quan, phiếu bình chọn, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS quan sát tranh minh họa và HS cảm nhận, thể hiện năng lực cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kết quả thể hiện năng lực.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ NV1: Hãy quan sát bức tranh sau: GV chiếu những bức tranh minh họa (bên trên) NV2: Em cảm nhận như thế nào về những bức tranh đó? Hãy thử khắc họa các bức tranh trên bằng cách riêng của mình (Gợi ý: HS có thể dùng ngôn ngữ văn học, vũ đạo, âm nhạc, hội họa để khắc họa). Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS quan sát bức tranh, suy nghĩ, xung phong thể hiện cảm thụ và năng lực sáng tạo của cá nhân. - HS còn lại tham gia bình chọn sản phẩm đẹp nhất, có ý nghĩa nhất. Bước 4: Đánh giá, kết luận Dựa trên sản phẩm có được từ HS, GV đánh giá, dẫn vào bài: - Cùng một đối tượng, có thể khơi gợi được cảm hứng từ người này nhưng không đánh thức được cảm hứng của người khác. - Cùng là sáng tạo nhưng mỗi người có sở trường riêng tạo nên vẻ đẹp muôn sắc muôn màu cho cuộc sống.	HS thể hiện cảm thụ và năng lực sáng tạo cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Nguyễn Trần Bạt và văn bản *Cảm hứng và sáng tạo*.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: HS thuyết trình về tác giả và văn bản.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn trước cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS thuyết trình nhanh 1 phút về tác giả trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức *Nhiệm vụ 2 : Đọc, tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: + Đọc văn bản, hoàn thành bảng kiến thức: Bảng kiến thức tìm hiểu chung văn bản <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th colspan="2">Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Thể loại văn bản</td><td colspan="2"></td></tr> <tr> <td>Xuất xứ, vị trí của văn bản</td><td colspan="2"></td></tr> <tr> <td rowspan="2">Bố cục văn bản</td><td>Phần 1</td><td></td></tr> <tr> <td>Phần 2</td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.			Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		Thể loại văn bản			Xuất xứ, vị trí của văn bản			Bố cục văn bản	Phần 1		Phần 2	
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể															
Thể loại văn bản																
Xuất xứ, vị trí của văn bản																
Bố cục văn bản	Phần 1															
	Phần 2															
I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Nguyễn Trần Bạt - Nguyễn Trần Bạt (sinh năm 1946 - 2020). - Quê quán: Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. - Ông là doanh nhân, luật sư, tư vấn, học giả, nhà nghiên cứu xã hội. Ông đã từng nhiều lần tư vấn cho Chính phủ Việt Nam về các vấn đề kinh tế và chính trị. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Suy tưởng</i> (2005), <i>Cải cách và sự phát triển</i> (2005), <i>Văn hóa và con người</i> (2006), <i>Cội nguồn cảm hứng</i> (2008), <i>Đối thoại với tương lai</i> (2010),... 2. Văn bản <i>Cảm hứng và sáng tạo</i> <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th colspan="2">Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Thể loại văn bản</td><td colspan="2">Nghị luận.</td></tr> <tr> <td>Xuất xứ, vị trí của văn bản</td><td colspan="2"> - Thuộc mục 3: <i>Cảm hứng và sáng tạo</i>, phần II: <i>Những cảm giác của tự do</i>, chương I: <i>Khái niệm tự do của tiểu luận Cội nguồn sáng tạo</i>. - Văn bản tiêu biểu cho lối viết giàu tính triết học của Nguyễn Trần Bạt. </td></tr> <tr> <td rowspan="2">Bố cục văn bản</td><td>Phần 1</td><td>(từ đầu đến <i>tiến trình phát triển của cá nhân và của cả cộng đồng</i>): Cảm hứng.</td></tr> <tr> <td>Phần 2</td><td>(Còn lại): Sáng tạo.</td></tr> </table>			Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		Thể loại văn bản	Nghị luận.		Xuất xứ, vị trí của văn bản	- Thuộc mục 3: <i>Cảm hứng và sáng tạo</i> , phần II: <i>Những cảm giác của tự do</i> , chương I: <i>Khái niệm tự do của tiểu luận Cội nguồn sáng tạo</i> . - Văn bản tiêu biểu cho lối viết giàu tính triết học của Nguyễn Trần Bạt.		Bố cục văn bản	Phần 1	(từ đầu đến <i>tiến trình phát triển của cá nhân và của cả cộng đồng</i>): Cảm hứng.	Phần 2	(Còn lại): Sáng tạo.
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể															
Thể loại văn bản	Nghị luận.															
Xuất xứ, vị trí của văn bản	- Thuộc mục 3: <i>Cảm hứng và sáng tạo</i> , phần II: <i>Những cảm giác của tự do</i> , chương I: <i>Khái niệm tự do của tiểu luận Cội nguồn sáng tạo</i> . - Văn bản tiêu biểu cho lối viết giàu tính triết học của Nguyễn Trần Bạt.															
Bố cục văn bản	Phần 1	(từ đầu đến <i>tiến trình phát triển của cá nhân và của cả cộng đồng</i>): Cảm hứng.														
	Phần 2	(Còn lại): Sáng tạo.														

2.2: Khám phá văn bản

- Mục tiêu:** Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của văn bản nghị luận trên các phương diện: cấu trúc văn bản, lí lẽ - bằng chứng, thao tác lập luận, quan điểm của người viết,...
- Nội dung hoạt động:** HS hoạt động nhóm ở nhà để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản thông qua việc chuẩn bị bài kĩ ở nhà và thuyết trình trên lớp.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm														
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm hướng dẫn HS trao đổi nhóm trước ở nhà theo những gợi ý dẫn: Nhóm 1: Lập sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản Nhóm 2: Lập bảng tìm hiểu lí lẽ - bằng chứng và thao tác lập luận trong văn bản Nhóm 3: Tìm hiểu quan điểm, thái độ của người viết và tác động của văn bản tới độc giả - GV lưu ý: HS tùy chọn hình thức chuẩn bị (thiết kế infographic, thiết kế poit, canva,...). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị sản phẩm ở nhà rồi trình bày trước lớp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Dưới sự dẫn dắt của GV, từng nhóm HS thuyết trình sản phẩm trước lớp. - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt vấn đề.	II. Khám phá văn bản 1. Cấu trúc lập luận của văn bản: * Luận đề: Cảm hứng và sáng tạo * Các luận điểm: - Cảm hứng: + Cảm hứng là gì. + Vai trò của cảm hứng. - Sáng tạo: + Mối quan hệ tự do - cảm hứng - sáng tạo. + Mối quan hệ sáng tạo - cái đẹp. 2. Lí lẽ, bằng chứng và thao tác lập luận trong văn bản <table border="1" data-bbox="608 701 1447 2040"> <thead> <tr> <th colspan="2" data-bbox="608 701 730 797">Luận điểm</th><th data-bbox="730 701 1321 797">Lí lẽ, bằng chứng</th><th data-bbox="1321 701 1447 797">Thao tác</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="608 797 730 1563">Luận điểm 1: Cảm hứng</td><td data-bbox="730 797 922 1563">Cảm hứng là gì?</td><td data-bbox="922 797 1321 1563"> - Là trạng thái tinh thần đặc biệt: Khi con người say mê, hứng thú, dồn hết tâm trí vào một việc gì đó. - Là nguồn động lực thúc đẩy con người sáng tạo: Giúp con người vượt qua những rào cản, khó khăn, để hoàn thành tốt công việc. - Là trạng thái cảm xúc mãnh liệt: Nảy sinh từ những rung động trước cái đẹp, cái cao cả, trước những điều mới mẻ, kỳ diệu. </td><td data-bbox="1321 797 1447 1563">Giải thích, phân tích</td></tr> <tr> <td data-bbox="608 1563 730 2040"></td><td data-bbox="730 1563 922 2040">Vai trò của cảm hứng</td><td data-bbox="922 1563 1321 2040"> - Là điều kiện tiên quyết: Thiếu cảm hứng, sáng tạo sẽ trở nên gượng gạo, thiếu sức sống. - Là chìa khóa mở ra cánh cửa sáng tạo: Giúp con người tìm ra những ý tưởng mới mẻ, độc đáo. - Là động lực thúc đẩy con người: Giúp con </td><td data-bbox="1321 1563 1447 2040">Phân tích, bác bỏ, bình luận</td></tr> </tbody> </table>			Luận điểm		Lí lẽ, bằng chứng	Thao tác	Luận điểm 1: Cảm hứng	Cảm hứng là gì?	- Là trạng thái tinh thần đặc biệt: Khi con người say mê, hứng thú, dồn hết tâm trí vào một việc gì đó. - Là nguồn động lực thúc đẩy con người sáng tạo: Giúp con người vượt qua những rào cản, khó khăn, để hoàn thành tốt công việc. - Là trạng thái cảm xúc mãnh liệt: Nảy sinh từ những rung động trước cái đẹp, cái cao cả, trước những điều mới mẻ, kỳ diệu.	Giải thích, phân tích		Vai trò của cảm hứng	- Là điều kiện tiên quyết: Thiếu cảm hứng, sáng tạo sẽ trở nên gượng gạo, thiếu sức sống. - Là chìa khóa mở ra cánh cửa sáng tạo: Giúp con người tìm ra những ý tưởng mới mẻ, độc đáo. - Là động lực thúc đẩy con người: Giúp con	Phân tích, bác bỏ, bình luận
Luận điểm		Lí lẽ, bằng chứng	Thao tác												
Luận điểm 1: Cảm hứng	Cảm hứng là gì?	- Là trạng thái tinh thần đặc biệt: Khi con người say mê, hứng thú, dồn hết tâm trí vào một việc gì đó. - Là nguồn động lực thúc đẩy con người sáng tạo: Giúp con người vượt qua những rào cản, khó khăn, để hoàn thành tốt công việc. - Là trạng thái cảm xúc mãnh liệt: Nảy sinh từ những rung động trước cái đẹp, cái cao cả, trước những điều mới mẻ, kỳ diệu.	Giải thích, phân tích												
	Vai trò của cảm hứng	- Là điều kiện tiên quyết: Thiếu cảm hứng, sáng tạo sẽ trở nên gượng gạo, thiếu sức sống. - Là chìa khóa mở ra cánh cửa sáng tạo: Giúp con người tìm ra những ý tưởng mới mẻ, độc đáo. - Là động lực thúc đẩy con người: Giúp con	Phân tích, bác bỏ, bình luận												

		người nỗ lực hết mình để hoàn thành tác phẩm,...	
	Luận điểm 2: Sáng tạo	- Mỗi quan hệ tự do - cảm hứng - sáng tạo. - Mỗi quan hệ tự do - sáng tạo - cái đẹp. - Bằng chứng: Mi-ken-lăng-giơ; sông Xen, điện Lu-vơ, điện Păng-tê-ông, tượng Đa-vít,...	Phân tích, bình luận, bác bỏ, chứng minh
3. Quan điểm, thái độ của người viết và tác động của văn bản đối với độc giả * Quan điểm: - Cảm hứng là yếu tố quan trọng: Điều kiện tiên quyết cho sáng tạo. - Cảm hứng có thể xuất hiện từ nhiều nguồn khác nhau: Cái đẹp, cái cao cả, những điều mới mẻ, kỳ diệu,... - Cảm hứng cần được kết hợp với trí tuệ và tự do: Để tạo nên những tác phẩm sáng tạo có giá trị. * Thái độ: - Trân trọng, đề cao vai trò của cảm hứng: “Cảm hứng là cái thiêng liêng nhất của người nghệ sĩ”. - Khuyến khích con người tìm kiếm, khơi gợi cảm hứng: “Hãy mở rộng tâm hồn để đón nhận cảm hứng”. - Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp cảm hứng với trí tuệ và tự do: “Cảm hứng cần được kiểm soát bởi lý trí và được chấp cánh bởi tự do”. * Tác động của văn bản tới độc giả - Giúp con người hiểu rõ hơn về vai trò và tầm quan trọng của cảm hứng. - Gợi ý những cách khơi gợi và nuôi dưỡng cảm hứng cho bản thân. - Thúc đẩy con người sáng tạo trong mọi lĩnh vực của đời sống. - Mỗi người cần ý thức được tầm quan trọng của cảm hứng và có những cách khơi gợi, nuôi dưỡng cảm hứng cho bản thân. - Cần rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp để có thể cảm nhận được những điều tốt đẹp trong cuộc sống, từ đó khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.			

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: Câu 1. Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Bài học nào ý nghĩa nhất mà em rút ra từ trải nghiệm văn bản? Câu 2. Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Văn bản phân tích vai trò và tầm quan trọng của cảm hứng trong đời sống con người. - Văn bản khẳng định cảm hứng là nguồn gốc của mọi sáng tạo. + Văn bản nêu ra những cách khơi gợi và nuôi dưỡng cảm hứng. 2. Nghệ thuật - Văn bản lấp lánh tư tưởng triết học. - Sử dụng nhiều hình ảnh, ví dụ sinh động. - Lập luận chặt chẽ, logic. - Giọng văn say mê, truyền cảm hứng,...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn về ý nghĩa của sự sáng tạo trong đời sống.

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thành của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) về ý nghĩa của sự sáng tạo trong đời sống.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm cho GV vào tiết học sau.

- GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo bảng kiểm.

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.		
Xác định đúng vấn đề nghị	Ý nghĩa của sự sáng tạo trong đời sống.		

luận				
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Ý nghĩa của sự sáng tạo đối với cá nhân.		
		Ý nghĩa của sự sáng tạo đối với cộng đồng, xã hội.		
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm.		
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.		
	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.		
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.		

Đoạn văn tham khảo

Con người chúng ta rất dễ bị mắc kẹt trong những lối suy nghĩ giống nhau. Tuy nhiên, những kiểu suy nghĩ đó có thể cản trở sự đổi mới của bản thân và khiến chúng ta tồn tại với những thói quen không có giá trị. Tư duy sáng tạo, rõ ràng, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Sự sáng tạo bao giờ cũng gắn liền với trí tưởng tượng phong phú, nó khai phóng ra những điều tưởng chừng như không hề tồn tại, vẽ ra những bức tranh mới mẻ có một không hai trong cuộc đời, tạo nên những tác phẩm độc đáo, vượt qua những gì con người chúng ta nghĩ. Những suy nghĩ ngoài khuôn khổ, những ý tưởng mới và đột phá, các giải pháp khác biệt cho các vấn đề thường gặp bao giờ cũng đem đến cho chúng ta những giải pháp mang lại kết quả khả quan. Tính độc đáo trong tư duy sáng tạo cũng không chỉ đơn thuần là việc tạo ra những thứ mới mà còn liên quan đến việc kết hợp, tùy biến và cải tiến từ những ý tưởng hiện có. Sự sáng tạo giúp năng lực của ta được những người xung quanh thừa nhận, trân quý. Và đặc biệt ta sẽ trở thành người truyền cảm hứng cho người khác, người lan tỏa năng lượng tích cực tới mọi người xung quanh. Ánh đèn Ê-đi-xon vẫn tỏa sáng nhân loại, những bức tranh của Lê-ô-na Đơ Vanh-xi vẫn làm các thế hệ rung động, những bức tượng của Mi-ken-lăng-giơ vẫn làm loài người xôn xao,... Một chút sáng tạo có thể làm mới động lực, khơi dậy niềm đam mê và giúp mỗi chúng ta tìm ra giải pháp mới khi gặp khó khăn, từ đó có thể tăng hiệu suất công việc và đời sống. Tuy nhiên, sự sáng tạo chỉ thực sự có giá trị khi nó có mục đích, mục tiêu rõ ràng. Nếu chỉ là những mơ mộng viễn vông không thể biến thành những hành động cụ thể, thì đó chỉ có thể xem như một tác phẩm viễn tưởng, xa vời.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế để thể hiện sự sáng tạo cá nhân.
- Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- Sản phẩm:** Kết quả bài tập mang tính sáng tạo của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Ước mơ của em là gì? Hãy thể hiện ước mơ đó bằng một sản phẩm (thơ ca, hội họa, điêu khắc, âm nhạc,...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp trực tiếp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS và nêu nhận xét, đánh giá bằng khen thưởng hoặc lấy điểm quá trình.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt (Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa Ngữ văn 12, KNTTVCS, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 32

LỖI LOGIC, LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy thực hành Tiếng Việt, giúp:

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.
- HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

2. Phẩm chất: Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động:

 HS xem video, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm:

 Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=1Au9yYHQH98 - GV nêu vấn đề: + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem. + Theo em, tại sao chúng ta thấy buồn cười? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem video và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. - GV gọi một số đại diện HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương cặp đôi HS có câu trả lời xuất sắc. - GV dẫn vào bài học.	* Yếu tố gây cười đối với người xem: - Đứng lên > < Vận động - Ngồi im > < Vận động - Chủ nhà - vai trò > < Chủ Nhà - tên riêng * Nguyên nhân gây cười là bởi những phát ngôn mâu thuẫn, mơ hồ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.
- HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

b. Nội dung:

 HS tham gia cuộc thi: **Cú pháp nhiệm màu.**

c. Sản phẩm:

 Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cuộc thi: GV chia lớp làm 3 đội chơi tham gia cuộc thi Cú pháp nhiệm màu. Vòng 1. Thông thái Yêu cầu:	1. Dấu hiệu nhận biết và cách sửa lỗi logic và lỗi câu mơ hồ				
	Biểu hiện	A	Nối	B	Cách sửa
	Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	a	a-2	1	Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn.

- Các đội nghiên cứu phần kiến thức tiếng Việt bên phải trang sách, thảo luận các dạng lỗi (cách nhận diện, cách sửa) khoảng 3 phút, sau đó cử đại diện lên thi đấu. - Mỗi đội chơi nhận được 1 Bảng nhận diện lỗi và cách sửa (hình thức: nối cột A với cột B) đội nào nối nhanh hơn, đúng hơn sẽ dành điểm cao hơn. Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm Bảng nhận diện lỗi và cách sửa	Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu. b b-1 2 Quy các ý về cùng một bình diện.			
	Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng. c c-4 3 Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào.			
	Câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau. d d-3 4 Phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới.			

2. Thực hành nhận biết lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

a. Bài tập 1

Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa
a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, <i>Vội vàng</i> của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn	Lỗi logic: Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	Câu nêu hai thông tin thuộc hai bình diện khác nhau: tác giả (Xuân Diệu) và tác phẩm <i>Vội vàng</i> . Ở câu văn này, người viết mặc nhiên xem tác giả và tác phẩm thuộc một bình diện.	Câu này cần sửa bằng cách quy các thông tin về cùng bình diện: + Cách 1: Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, Xuân Diệu luôn đưa ra những tuyên ngôn bằng thơ về cách sống của cá nhân. + Cách 2: Bài thơ “ <i>Vội vàng</i> ” của Xuân Diệu - nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới - được xem như một bản

cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.			nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào.	về cách sống của cái tôi cá nhân.			tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.
				b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.	Lỗi logic: Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	Trong câu này, “điện gió” là loại năng lượng vốn không sử dụng nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện (chạy bằng than đá hoặc bằng dầu, khí đốt), cho nên không thể nói “tốn” ít hay nhiều nhiên liệu. Mặt khác, không sử dụng nhiên liệu nên không có khí thải, nghĩa là điện gió hiển nhiên có tác dụng bảo vệ môi trường, do đó không thể dùng từ cặp nói “vừa... vừa” được.	- Sửa: <i>Sử dụng điện gió có tác dụng bảo vệ môi trường, vì điện gió không tiêu thụ nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.</i>
				c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ.	Lỗi logic: Quan hệ giữa hai vế thiếu logic.	Ở câu này, nếu xem Loan “không biết làm thơ” là nguyên nhân dẫn đến việc cô ấy “không thích nghệ thuật” thì không đúng, vì nghệ thuật vốn có nhiều loại hình, thơ chỉ là một trong số đó. Không biết làm thơ vẫn có thể thích nghệ thuật; ngược lại, không thích nghệ thuật do nhiều	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: <i>Loan không biết làm thơ, và cô ấy cũng không thích nghệ thuật.</i> - Cách 2: <i>Loan không biết làm thơ, nhưng cô ấy rất thích nghệ thuật.</i>
Câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau.	d		4 Phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới.				

Vòng 2. Bắt lỗi 3 đội bắt thăm thực hiện các bài tập 1, 2, 3 sgk, đội nào thiết kế Bảng sửa lỗi theo mẫu nhanh, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm * Câu hỏi: 1. Chỉ ra lỗi logic trong các câu sau và sửa lại: a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, <i>Vội vàng</i> của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân. b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện. c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ. 2. Trong các câu sau, có câu mắc lỗi về ngữ pháp, có câu mắc lỗi về logic. Hãy phân tích loại lỗi của từng câu và sửa lại: a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát. b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh. c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. <tr><td></td><td></td><td>nguyên nhân khác chứ không phải vì không biết làm thơ.</td><td></td></tr> <tr><td colspan="4">b. Bài tập 2</td></tr> <tr><td>Ngữ liệu</td><td>Loại lỗi</td><td>Biểu hiện</td><td>Cách sửa</td></tr> <tr><td>a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.</td><td>Mắc lỗi logic</td><td>Câu này dùng cặp từ nối “không chỉ... còn”. Xét về hình thức ngữ pháp, câu không sai, nhưng quan hệ nội dung giữa hai vế không hợp lý: lục bát và song thất lục bát cũng là thơ.</td><td>Cần sửa lại để người đọc hiểu rằng thơ có nhiều thể, trong đó có lục bát và song thất lục bát. Chẳng hạn: Ông tôi rất thích làm thơ, nhất là lục bát và song thất lục bát.</td></tr> <tr><td>b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.</td><td>Mắc lỗi logic</td><td>Câu này dùng cặp từ nối “vừa... vừa”. Lẽ ra đã dùng cặp từ nối này thì hai nội dung phải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” cũng là biểu hiện của “tốt cho sức khỏe”.</td><td>Có thể sửa: Ăn nhiều rau quả tốt cho sức khỏe, vì giảm nguy cơ mắc một số bệnh.</td></tr> <tr><td>c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.</td><td>Đây là câu thiếu vị ngữ, một kiểu lỗi ngữ pháp</td><td>“Hoàng Phủ Ngọc Tường” là danh từ riêng có thể làm chủ ngữ trong câu; vế “một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao” là thành phần biệt lập, chú thích cho danh từ riêng đó.</td><td>Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Thêm từ “là” để biến thành phần chú thích thành vị ngữ: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. - Cách 2: Giữ</td></tr>			nguyên nhân khác chứ không phải vì không biết làm thơ.		b. Bài tập 2				Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa	a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.	Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “không chỉ... còn”. Xét về hình thức ngữ pháp, câu không sai, nhưng quan hệ nội dung giữa hai vế không hợp lý: lục bát và song thất lục bát cũng là thơ.	Cần sửa lại để người đọc hiểu rằng thơ có nhiều thể, trong đó có lục bát và song thất lục bát. Chẳng hạn: Ông tôi rất thích làm thơ, nhất là lục bát và song thất lục bát.	b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.	Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “vừa... vừa”. Lẽ ra đã dùng cặp từ nối này thì hai nội dung phải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” cũng là biểu hiện của “tốt cho sức khỏe”.	Có thể sửa: Ăn nhiều rau quả tốt cho sức khỏe, vì giảm nguy cơ mắc một số bệnh.	c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.	Đây là câu thiếu vị ngữ, một kiểu lỗi ngữ pháp	“Hoàng Phủ Ngọc Tường” là danh từ riêng có thể làm chủ ngữ trong câu; vế “một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao” là thành phần biệt lập, chú thích cho danh từ riêng đó.	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Thêm từ “là” để biến thành phần chú thích thành vị ngữ: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. - Cách 2: Giữ
			nguyên nhân khác chứ không phải vì không biết làm thơ.																					
	b. Bài tập 2																							
	Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa																				
a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.	Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “không chỉ... còn”. Xét về hình thức ngữ pháp, câu không sai, nhưng quan hệ nội dung giữa hai vế không hợp lý: lục bát và song thất lục bát cũng là thơ.	Cần sửa lại để người đọc hiểu rằng thơ có nhiều thể, trong đó có lục bát và song thất lục bát. Chẳng hạn: Ông tôi rất thích làm thơ, nhất là lục bát và song thất lục bát.																					
b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.	Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “vừa... vừa”. Lẽ ra đã dùng cặp từ nối này thì hai nội dung phải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” cũng là biểu hiện của “tốt cho sức khỏe”.	Có thể sửa: Ăn nhiều rau quả tốt cho sức khỏe, vì giảm nguy cơ mắc một số bệnh.																					
c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.	Đây là câu thiếu vị ngữ, một kiểu lỗi ngữ pháp	“Hoàng Phủ Ngọc Tường” là danh từ riêng có thể làm chủ ngữ trong câu; vế “một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao” là thành phần biệt lập, chú thích cho danh từ riêng đó.	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Thêm từ “là” để biến thành phần chú thích thành vị ngữ: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. - Cách 2: Giữ																					

d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt. 3. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu: a. Nêu những khả năng hiểu khác nhau về từng câu và lí giải căn cứ của mỗi cách hiểu. b. Sửa lại để mỗi câu chỉ được hiểu theo một nghĩa. - Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết. - Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu. - Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều. * Bảng sửa lỗi <table border="1"> <thead> <tr> <th>Ngữ liệu</th> <th>Loại lỗi</th> <th>Biểu hiện</th> <th>Cách sửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>	Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa							nguyên thành phần chú thích, thêm vị ngữ cho câu: <i>Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao - có sở trường về tùy bút.</i>				
Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa												
Vòng 3. Tinh hoa Các đội sẽ cùng thảo luận thực hiện bài 4 sgk, đội nào làm nhanh hơn, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm * Câu hỏi: 4. Nêu và phân tích các cách hiểu có thể có về những câu thơ sau, từ đó cho biết các câu thơ ấy có mắc lỗi câu mơ hồ hay không. <i>Anh mang tình em đi</i> <i>Qua những đèo lẻ nắng</i> <i>Những sông trưa không đỏ</i> <i>Những đường mưa ngấn trắng</i> (Lê Đạt, Sáng soi)	d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt.	Mắc lỗi logic Ở câu này, hai vế đi với “bên cạnh” và “còn có” lẽ ra phải là kết quả phân loại trên cùng một tiêu chí. Ở đây, “từ đơn và từ ghép” là xét về cấu tạo; “từ Hán Việt” là xét về nguồn gốc.	Có thể sửa: <i>Về nguồn gốc, từ đơn và từ ghép của tiếng Việt đều có thể là từ Hán Việt.</i>												
c. Bài tập 3 <table border="1"> <thead> <tr> <th>Ngữ liệu</th> <th>Loại lỗi</th> <th>Biểu hiện</th> <th>Cách sửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.</td> <td>Mơ hồ về nghĩa</td> <td>Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?</td> <td>Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i></td> </tr> <tr> <td>Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một</td> <td>Mơ hồ về nghĩa</td> <td>- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.</td> <td>Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở</td> </tr> </tbody> </table>				Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa	- Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.	Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>	Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một	Mơ hồ về nghĩa	- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở
Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa												
- Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.	Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>												
Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một	Mơ hồ về nghĩa	- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở												

<i>Giọt nước mắt vàng trắng Long lanh trong đáy giếng (Thanh Thảo, <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i>)</i> <i>Đất đá ong khô nhiều suối lệ Em đã bao ngày lệ chứa chan?</i> (Quang Dũng, <i>Mắt người Sơn Tây</i>) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi theo đội nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn MC dẫn dắt cuộc thi; 2 thư ký ghi điểm. - Các đội cử đại diện tham gia cuộc thi, thời gian thi đấu tối đa 10 phút, trình bày trên bảng hoặc trên giấy A4, trước sự cổ vũ của các HS còn lại. - Đội chiến thắng là đội nhanh nhất và đúng nhất. - Các đội còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, căn cứ kết quả từ thư ký, xếp thứ tự, chúc mừng đội thắng cuộc, trao thưởng.	màu vàng.			rộ rực một màu vàng. - Cách 2: Trong vườn hoa, cúc nở rộ rực một màu vàng.
	Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách ngắt nhịp, mỗi cách cho một nghĩa cụ thể.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: <i>Bầu trời in xuống, dòng sông xanh ngắt một màu.</i> - Cách 2: <i>Bầu trời in xuống dòng sông, xanh ngắt một màu.</i>
	Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách hiểu, kết quả của hai cách ngắt nhịp. Cách hiểu thứ nhất: nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi; cách hiểu thứ hai: doanh nghiệp lãi nhiều (lãi lớn).	Muốn câu xác định về nghĩa cần diễn đạt tường minh. - Cách 1: <i>Nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi.</i> - Cách 2: <i>Doanh nghiệp làm ăn có lãi lớn.</i>

d. Bài tập 4: Tạo sự mơ hồ về ý hoặc phi logic có chủ đích nghệ thuật

- Hai câu sau của khổ thơ có thể đọc theo nhiều cách khác nhau:

+ Có thể ngắt theo nhịp 3/2:

Những sông trưa/không đo
Những đường mưa/ngắn nắng

+ Hoặc theo nhịp 2/3:

Những sông/trưa không đo
Những đường/mưa ngắn nắng

+ Lại cũng có thể đọc liền mạch, không ngắt nhịp trong nội bộ từng câu:

Những sông trưa không đo
Những đường mưa ngắn nắng

	=> Mỗi cách ngắt nhịp cho một ý nghĩa khác nhau, nghĩa nào cũng có cơ sở. Với cách viết như vậy, hai câu thơ này không giới hạn cách hiểu của người đọc. - Trường hợp này, câu thơ đầu có nhiều khả năng tạo nghĩa, vì giữa “giọt nước mắt” và “vàng trắng” có thể có những quan hệ khác nhau: + <i>Giọt nước mắt như vàng trắng,</i> + <i>Giọt nước mắt là vàng trắng,</i> + <i>Giọt nước mắt thành vàng trắng;</i> + <i>Giọt nước mắt của vàng trắng;...</i> => Mỗi tương quan được xác lập cho một nghĩa khác nhau. Đây là hiện tượng đa nghĩa trong thơ - kết quả sáng tạo ngôn từ của tác giả. - Câu thơ đầu có hai cách ngắt nhịp: + Nếu ngắt theo cách <i>Đất đá ong/khô nhiều suối lệ</i>, có thể hiểu: vùng đất đá ong cần cỗi ấy đã thấm khô bao nhiêu nước mắt của những con người khổ đau. + Nếu ngắt theo cách <i>Đất đá ong khô/nhiều suối lệ</i>, lại có thể hiểu vùng đất ấy rất cần cỗi, cũng giống như con người ở đó, từng trải bao nhiêu khổ đau (bao nhiêu suối lệ đã tuôn). => Người đọc hoàn toàn có những cách cảm nhận khác nhau, nhờ tính đa nghĩa của ngôn ngữ thơ.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ) để vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Sơ tư của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Mỗi HS lập 1 sổ sưu tầm những lỗi logic và lỗi mơ hồ trong đời sống và trong học tập.
- Mỗi HS lập 1 sổ sưu tầm những áng thơ, văn đa nghĩa tạo nên từ việc mơ hồ về ý hoặc vi phạm logic.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp hoặc nộp bài qua phần mềm học tập.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Đọc lại và tự chỉnh sửa các đoạn văn viết trong các tiết học trước để tránh lỗi về logic và lỗi mơ hồ của câu.

- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

VIẾT

Tiết: 33

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ (NHỮNG HOÀI BẢO, ƯỚC MƠ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nắm được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- Xác định được các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

2. Phẩm chất:

- Hướng tới lí tưởng tuổi trẻ cao đẹp với hoài bão, ước mơ.
- Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cân trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. Nội dung hoạt động:** HS quan sát video và chia sẻ về bản thân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: 1. Quan sát video: https://www.youtube.com/watch?v=YzNgew4WMfE 2. Ước mơ, hoài bão của em là gì? Động lực nào sẽ giúp cho mơ ước đó trở thành hiện thực? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo HS xem Clip, chia sẻ hoài bão, ước mơ của bản thân. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, biểu dương HS với những ước mơ, hoài bão của các em. - GV dẫn vào bài: Cái viễn cảnh “phải sống” theo ý người khác, không có ước mơ, không dám làm những thứ “khó”, cái không khí vô hình đó thật đáng sợ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, bạn đã từ bỏ hoài bão để chạy theo cơm áo gạo tiền. Hay sự khó khăn của nền kinh tế khiến bạn chỉ nghĩ được ngắn hạn. Còn 5 năm nữa, 10 năm nữa, bạn sẽ là ai? Bạn sẽ làm gì cho cuộc đời? Đề kháng được trong bầu không khí buồn thiu ấy là một năng lực cần cho người trẻ để sống cuộc đời của chính mình. Ai cũng cần có hoài bão riêng. Bạn vẫn có thể chỉ là một hòn đá. Nhưng hãy là hòn đá lăn, để rêu không bám vào. Ngày hôm nay chúng ta hãy cùng nhau viết lên những ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ bằng một bài nghị luận nhé!	HS chia sẻ hoài bão, ước mơ, động lực của bản thân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 4 HS đọc bài viết tham khảo (Mở bài, Luận điểm 1, Luận điểm 2, Kết bài).	I. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ) 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo - Vấn đề bàn luận: giá trị đích thực của tuổi trẻ, tầm quan trọng của tuổi trẻ, những phẩm chất cần thiết để tuổi trẻ có ý nghĩa và giá trị. - Vị trí của người viết:

- HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau:

1. Ở bài viết tham khảo, vấn đề gì liên quan đến tuổi trẻ được nêu để bàn luận? Người viết đặt mình vào vị trí nào để trình bày quan điểm về vấn đề này?

2. Phân tích cấu trúc nghị luận của bài viết theo mẫu:

STT	Luận đề	
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1		
2		

3. Chỉ ra những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- 4 HS nối tiếp nhau đọc văn bản.
- Thảo luận cặp đôi 3 câu hỏi SGK khoảng 5-7 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện một số cặp đôi phát biểu.
- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (so sánh với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu HS: Thảo luận nhóm hai bàn hoàn thiện bảng sau:

Bảng so sánh bài nghị luận về một vấn đề xã hội và bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

+ Là một nhà giáo uyên bác và giàu kinh nghiệm: Tác giả sử dụng kiến thức và hiểu biết của mình về tuổi trẻ để đưa ra những nhận định sâu sắc và chính xác.

+ Là một người từng trải: Tác giả hiểu sâu sắc vấn đề và đưa ra những lí lẽ xác đáng.

+ Là một người tâm huyết với thế hệ trẻ: Tác giả thể hiện niềm tin vào tiềm năng và sức mạnh của tuổi trẻ, đồng thời mong muốn thế hệ trẻ sống có ích và cống hiến cho đất nước.

- Phân tích cấu trúc nghị luận:

STT	Luận đề	
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1	Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ	- Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào. + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.
2	Học cách đặt mục tiêu	- Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện.

Yêu cầu		Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ			- Bằng chứng: + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang “tạo ra” chứ không phải đang “phá huỷ” việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Dai-xon (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài.
Nêu vấn đề						=> Cách phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng: + Lí lẽ được sử dụng làm nền tảng cho bài viết. Mỗi luận điểm đều được trình bày một cách logic, chặt chẽ. + Bằng chứng được sử dụng để minh họa cho lí lẽ, làm cho bài viết thêm sinh động và thuyết phục. Các bằng chứng được đưa ra đều cụ thể, tiêu biểu và phù hợp với luận điểm. + Sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng giúp bài viết vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật.
Triển khai vấn đề	Khẳng định quan điểm					- Những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết:
	Củng cố quan điểm					
Kết thúc vấn đề						
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng so sánh.						
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2-3 nhóm bản trình bày kết quả. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.						
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.						
Giải thích		Giải thích khái niệm “tuổi trẻ”, giá trị của tuổi trẻ.				
Phân tích		Phân tích những đặc điểm của tuổi trẻ (sức khỏe, trí tuệ, nhiệt huyết, dũng cảm, ước mơ,...); vai trò của tuổi trẻ (tuổi trẻ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước).				
Chứng minh		Chứng minh giá trị của tuổi trẻ qua các bằng chứng: + Trịnh Xuân Mười, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, những tấm gương về tuổi trẻ vượt khó.				
Bình luận		Bình luận về tầm quan trọng của việc rèn luyện ý chí, nghị lực, bản lĩnh, và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, bình luận về cách để tuổi trẻ có giá trị.				

2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (so sánh với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội)

Yêu cầu		Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
Nêu vấn đề		Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh	Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.
Triển khai vấn đề	Khẳng định quan điểm	Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động.	Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
	Củng cố quan điểm	Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lập luận của bài viết.	Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.
Kết thúc vấn đề		Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề.	Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- HS thực hành các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																									
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: + Chọn một trong 5 đề bài SGK đã cho + Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau: <table><tr><th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>Chuẩn bị viết</td><td></td></tr><tr><td rowspan="5">Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td></tr><tr><td>Lập dàn ý</td></tr><tr><td>MB</td></tr><tr><td>TB</td></tr><tr><td>KB</td></tr><tr><td>Viết</td><td></td></tr><tr><td>Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện</td><td></td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời.	Các bước	Nội dung	Chuẩn bị viết		Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý	Lập dàn ý	MB	TB	KB	Viết		Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện		II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết <table><tr><th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>Chuẩn bị viết</td><td>Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ; (2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ; (3) Ý thức về giới của các bạn trẻ; (4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ; (4) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội; ...</td></tr><tr><td rowspan="2">Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý Trả lời câu hỏi: - Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? - Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận? - Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?</td></tr><tr><td>Lập dàn ý<table><tr><td>MB</td><td>Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.</td></tr><tr><td>TB</td><td>- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành</td></tr></table></td></tr></table>	Các bước	Nội dung	Chuẩn bị viết	Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ; (2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ; (3) Ý thức về giới của các bạn trẻ; (4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ; (4) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội; ...	Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý Trả lời câu hỏi: - Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? - Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận? - Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?	Lập dàn ý <table><tr><td>MB</td><td>Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.</td></tr><tr><td>TB</td><td>- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành</td></tr></table>	MB	Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.	TB	- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành
Các bước	Nội dung																									
Chuẩn bị viết																										
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý																									
	Lập dàn ý																									
	MB																									
	TB																									
	KB																									
Viết																										
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện																										
Các bước	Nội dung																									
Chuẩn bị viết	Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ; (2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ; (3) Ý thức về giới của các bạn trẻ; (4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ; (4) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội; ...																									
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý Trả lời câu hỏi: - Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? - Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận? - Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?																									
	Lập dàn ý <table><tr><td>MB</td><td>Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.</td></tr><tr><td>TB</td><td>- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành</td></tr></table>	MB	Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.	TB	- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành																					
MB	Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.																									
TB	- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành																									

- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. 2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.			động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?). - Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết. - Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề.				
		KB	Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.				
	Viết	- Khi viết bài, cần bám sát dàn ý để triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn. - Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, cần viết với tâm thế của người trong cuộc, trong lập luận, cần khai thác dẫn chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung. - Luôn chú ý phối hợp các thao tác nghị luận và các yếu tố hỗ trợ như tự sự, biểu cảm để tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn. - Cần nhận thức rõ: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ không đồng nghĩa với vấn đề của riêng tuổi trẻ. Vấn đề được chọn làm đề tài của bài viết cũng có thể liên quan đến mọi thành viên của cộng đồng. Tuy nhiên, khi viết bài, cần biết triển khai luận điểm từ góc nhìn của tuổi trẻ và chú ý khai thác những điều có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến tuổi trẻ.					
	Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo gợi ý sau: <table><tr><th>Nội dung</th><th>Yêu cầu cụ thể</th></tr><tr><td>Bố cục ba phần</td><td>Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến</td></tr></table>			Nội dung	Yêu cầu cụ thể	Bố cục ba phần
Nội dung	Yêu cầu cụ thể						
Bố cục ba phần	Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến						

			tuổi trẻ được trình bày như thế nào?
			Thân bài: - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không? - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không? - Các phối hợp các thao tác nghị luận không?
			Kết bài: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?
		Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.
		Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Những khó khăn hoặc hứng thú khi thực hành bài viết.
2. Thực hành viết Sản phẩm: Bài viết của HS			

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày

			thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

Phụ lục 2: DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận về: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

I. Mở bài

Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

II. Thân bài

1. Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận:

- *Lỗi lầm* xuất phát từ hành động chưa đúng, tạo ra hậu quả cho bản thân và xã hội.
- *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*: Chính là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giảng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

2. Trình bày các khía cạnh của vấn đề thành từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết:

- Trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu.
- Sai lầm là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận và sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống.
- Sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục lỗi.
- Sai lầm thường gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.
- Điều quan trọng là họ cần phải biết nhận ra sai lầm và có thái độ nhìn nhận thẳng vào sai lầm của bản thân để sửa chữa và rút kinh nghiệm quý báu từ những sai lầm để tránh mắc phải chúng.
- Con người không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác.
- Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn.
- Đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời

3. Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình:

Trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,... những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

4. Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề:

Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao.

III. Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Thực hiện phóng sự về các vấn đề mà tuổi trẻ quan tâm hoặc ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi trẻ.
- c. Sản phẩm:** Clip của HS theo yêu cầu của GV.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu:** Thực hiện phóng sự về các vấn đề mà tuổi trẻ quan tâm hoặc ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi trẻ.
- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường.
 - Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết trao giải trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Xác định được các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- Trình bày được một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

Nghe

- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=cs00vyt15ag - GV nêu vấn đề: + Nội dung xoay quanh vấn đề gì? + Giọng nói có truyền cảm không?	HS xem Clip và thể hiện ý kiến cá nhân.

+ Điều bộ có tự tin, nét mặt có biểu cảm không? + Cách bắt đầu và kết thúc có hấp dẫn không? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem Clip và xung phong trả lời câu hỏi. - GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. <i>Có bao giờ bạn lắng nghe bài hùng biện của một người nổi tiếng và cảm thấy thật ấn tượng?</i> <i>Có phải vì khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách logic, thuyết phục và truyền cảm hứng của họ luôn khiến chúng ta cảm thấy thu hút?</i> <i>Vậy, ta học được gì từ họ để có thể cải thiện được kỹ năng này?</i>	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Cần lưu ý gì khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ? Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu: - Lớp chia thành nhiều nhóm (căn cứ theo sự lựa chọn đề tài viết ở tiết học trước)	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ * Một số yêu cầu cần lưu ý - Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình. - Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ. - Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề. - Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan đến vấn đề. - Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề. * Những lưu ý khi thuyết trình - Tư thế, tác phong tự tin, đĩnh đạc. - Giới thiệu vấn đề sinh động, hấp dẫn. - Kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ, các phương tiện, thiết bị như loa, đài, máy chiếu,... 2. Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. a. Lựa chọn đề tài

- Các nhóm xây dựng quy trình thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.	- Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i> - Lựa chọn đề tài mới b. Tìm ý và sắp xếp ý - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i>, điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe. - Lựa chọn đề tài mới, có thể tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi: + Bản chất của vấn đề là gì? + Vấn đề có liên quan như thế nào đến đời sống của giới trẻ? + Những khía cạnh nào của vấn đề cần làm rõ? + Cần định hướng hoạt động như thế nào sau khi đã nhận thức rõ về vấn đề?
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS trình bày được bài thuyết trình bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; biết lắng nghe và trao đổi.
- b. Nội dung:** HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm															
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút. - HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:			II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói Tham khảo bài thuyết trình về: <i>Thái độ trước lỗi lầm của bản thân</i> (bên dưới) 2. Trao đổi, đánh giá a. Trao đổi <table><tr><th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr><tr><td>Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.</td><td>Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.</td></tr></table> b. Đánh giá		Người nghe	Người nói	Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.	Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.										
Người nghe	Người nói																	
Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.	Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.																	
<table><tr><th colspan="3">PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI</th></tr><tr><th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>1</td><td>Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?</td><td></td></tr></table>			PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?		2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?		<table><tr><th colspan="2">PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI</th></tr></table>		PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI	
PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI																		
STT	Tiêu chí	Nhận xét																
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?																	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?																	
PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI																		

3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?																
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?																
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?																
PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI <table> <tr> <th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?</td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td>Có tích cực ghi chép không?</td><td></td></tr> <tr> <td>3</td><td>Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?</td><td></td></tr> <tr> <td>4</td><td>Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?</td><td></td></tr> </table>			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?		2	Có tích cực ghi chép không?		3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?		4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	
STT	Tiêu chí	Nhận xét															
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?																
2	Có tích cực ghi chép không?																
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?																
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?																
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS lên trình bày - HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình của HS theo bảng kiểm (bên dưới)																	
STT	Tiêu chí	Nhận xét															
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?																
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?																
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?																
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?																
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?																
PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI <table> <tr> <th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?</td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td>Có tích cực ghi chép không?</td><td></td></tr> <tr> <td>3</td><td>Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?</td><td></td></tr> <tr> <td>4</td><td>Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?</td><td></td></tr> </table>			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?		2	Có tích cực ghi chép không?		3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?		4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	
STT	Tiêu chí	Nhận xét															
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?																
2	Có tích cực ghi chép không?																
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?																
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?																

Tham khảo bài thuyết trình về: Thái độ trước lỗi lầm của bản thân

Xin chào các bạn!

Bạn chọn sai ngành học, bạn trao tình yêu nhầm người, bạn làm một công việc không như ý muốn... Tất cả không thành vấn đề. Bạn còn trẻ và bạn luôn có quyền lựa chọn lại, quyết định lại. Tuổi trẻ là để trải nghiệm và lựa chọn. Vì khi đó bạn còn tự do, còn thời gian, và còn sức khỏe. Bạn có quyền tự chọn lựa cuộc sống cho mình, tự thay đổi, tự đứng dậy sau mỗi thất bại, tự rút ra kinh nghiệm sau mỗi sai lầm của bản thân.

Vậy chúng ta nên có thái độ như thế nào trước lỗi lầm của chính mình, trước hết, tôi xin chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về khái niệm lỗi lầm và thái độ trước lỗi lầm để từ đó làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận.

Lỗi lầm - ta có thể hiểu đó là hậu quả xuất phát từ hành động chưa đúng. Hậu quả này gây ảnh hưởng tồi tệ cho bản thân và xã hội.

Còn thái độ trước lỗi lầm của bản thân được xem là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giằng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

Từ việc hiểu các khái niệm cơ bản, chúng ta cần đi sâu vào vấn đề. Tiếp ngay sau đây, tôi xin trình bày cụ thể các khía cạnh của vấn đề:

Rõ ràng là trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu. Sai lầm chính là là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận. Sai lầm của ta khiến ta thất bại lại còn có thể gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.

Tuy vậy, sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống. Chính những sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục. Bởi vậy, trước sai lầm ta cần có thái độ nhìn nhận thẳng và sẵn sàng sửa chữa, rồi từ đó rút kinh nghiệm quý báu cho chính mình.

Như vậy, mỗi chúng ta không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác. Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn. Đối với chính bản thân mình cũng vậy, đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời.

Một số ví dụ quen thuộc, không hề xa lạ với các bạn:

Ê - đi - xon làm thí nghiệm bóng đèn tới 9999 lần, nghĩa là ông đã sửa sai 10.000 lần, cuối cùng đem đến cho nhân loại ánh sáng.

Trên hành trình cứu nước, Bác đã nhìn thấy sai lầm của những người đi trước nên Người đã chọn con đường mới để đem lại hòa bình cho dân tộc.

Rõ ràng, thành công không đến dễ dàng, trước khi đến với thành công, ta đã phải đối mặt với thất bại nhiều lần do những quyết định sai lầm. Nhưng ta cần phải biết rút ra kinh nghiệm từ chính lỗi lầm của mình và từ sai lầm của người khác.

Nhưng các bạn biết không, trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,... những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

Bởi vậy, mỗi chúng ta cần định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức được vấn đề: chúng ta cần phải biết nhận lỗi và sửa lỗi, phải biết nhìn nhận thực tế; chỉ như thế ta mới có thể được người khác nhìn nhận, trân trọng và đánh giá cao.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình. **Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!**

Bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình của HS:

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1	Nội dung xoay quanh vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lắp.	Nói to, nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lắp lại hay ngập ngừng.
3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điều bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
4	Mở đầu và kết thúc hợp lí.	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng.	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.
ĐIỂM	Tổng điểm:/10			

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ và lưu lại thành video.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ về nhà: Hãy thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Lưu thành video clip).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi thuyết trình của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (cả bài 3)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận?

Câu 2. Dựa vào các văn bản đọc trong bài, hãy làm rõ tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn nghị luận.

Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*.

Câu 4. Cho đề tài: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

- Tìm ý và lập dàn ý cho đề tài trên.
- Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*.
- Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình, dựa vào đó để tập luyện nói.

Câu 5. Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận xã hội và hai văn bản nghị luận văn học đề cập những vấn đề liên quan đến nội dung các văn bản đọc trong bài. Lập bảng, ghi ngắn gọn những thông tin cơ bản: luận đề, các luận điểm, các thao tác lập luận của từng văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp em hiểu về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận như sau:

a. Khái niệm:

- Luận đề: là ý kiến chủ đạo, quan điểm của người viết về vấn đề nghị luận.
- Luận điểm: là những ý kiến nhỏ, những lập luận được đưa ra để làm sáng tỏ, chứng minh cho luận đề.

b. Mối quan hệ:

- Luận điểm là cơ sở để hình thành luận đề: Luận đề được khái quát từ các luận điểm.
- Luận đề bao hàm các luận điểm: Luận điểm cụ thể hóa, triển khai luận đề.
- Luận điểm và luận đề có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau: Luận điểm làm sáng tỏ luận đề, luận đề bao hàm và thống nhất các luận điểm.

c. Phân tích mối quan hệ qua các văn bản đọc:

*** Nhìn về vốn văn hóa dân tộc:**

- Luận đề: Vốn văn hóa dân tộc là một nguồn tài nguyên quý báu, là nền tảng cho sự phát triển của đất nước.
- Luận điểm:
 - + Vốn văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.
 - + Vốn văn hóa dân tộc có vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội.
 - + Cần bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc.

*** Năng lực sáng tạo:**

- Luận đề: Năng lực sáng tạo là một phẩm chất quan trọng cần thiết cho mỗi người trong cuộc sống hiện đại.
- Luận điểm:
 - + Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới, cái khác biệt từ những cái đã có.
 - + Năng lực sáng tạo giúp con người giải quyết vấn đề hiệu quả, đạt được thành công trong cuộc sống.
 - + Cần rèn luyện năng lực sáng tạo thông qua học tập, rèn luyện và thực hành.

*** Mấy ý nghĩ về thơ:**

- Luận đề: Thơ ca là một loại hình nghệ thuật có sức ảnh hưởng to lớn đến đời sống con người.
- Luận điểm:
 - + Thơ ca giúp con người bộc lộ tình cảm, suy nghĩ, thể hiện quan điểm về cuộc sống.
 - + Thơ ca giúp con người thanh lọc tâm hồn, hướng đến cái đẹp, cái cao thượng.
 - + Cần đọc và sáng tác thơ để nâng cao đời sống tinh thần.

=> Kết luận:

- Luận đề và luận điểm là hai yếu tố quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với nhau trong văn bản nghị luận.
- Việc hiểu rõ mối quan hệ này giúp người viết xây dựng bài văn chặt chẽ, logic và có sức thuyết phục.

Câu 2. Tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn bản nghị luận

a. Lập luận là yếu tố cốt lõi của văn bản nghị luận:

- Mục đích chính của văn bản nghị luận là thuyết phục người đọc về một quan điểm, ý kiến nào đó.
- Để thuyết phục được người đọc, người viết cần sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng logic, chặt chẽ để làm sáng tỏ luận điểm của mình.
- Lập luận chính là quá trình trình bày các lí lẽ, dẫn chứng ấy một cách khoa học, rõ ràng.

b. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục:

- Một bài văn nghị luận có lập luận chặt chẽ, logic sẽ khiến người đọc tin tưởng vào quan điểm của người viết.
- Ngược lại, một bài văn thiếu lập luận, hoặc lập luận lỏng lẻo, thiếu logic sẽ không có sức thuyết phục, khiến người đọc không tin tưởng vào quan điểm của người viết.

c. Lập luận giúp người viết rèn luyện tư duy logic:

- Khi lập luận, người viết cần phải suy nghĩ một cách logic, chặt chẽ để sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo một trình tự hợp lí.

- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin.

d. Lập luận giúp người viết nâng cao kỹ năng viết:

- Để lập luận hiệu quả, người viết cần sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, rõ ràng, mạch lạc.
- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện kỹ năng sử dụng từ ngữ, câu văn, lập đoạn một cách hiệu quả.

e. Lập luận giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân:

- Thông qua lập luận, người viết thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình về vấn đề nghị luận.
- Lập luận giúp người viết khẳng định bản thân và tạo ấn tượng với người đọc.

=>Kết luận:

Lập luận là một trong những yếu tố quan trọng nhất của văn bản nghị luận. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục, giúp người viết rèn luyện tư duy logic và kỹ năng viết, đồng thời giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân.

Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*:

Văn bản	Năng lực sáng tạo	Mấy ý nghĩ về thơ
Nội dung	Khái niệm, vai trò, biểu hiện, cách rèn luyện năng lực sáng tạo.	Khái niệm, vai trò, đặc điểm, mối quan hệ giữa thơ và đời sống.
Thao tác	Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ.	Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ.
Nhận xét	Tập trung vào việc phân tích vai trò và biểu hiện của năng lực sáng tạo, đồng thời đưa ra các giải pháp để rèn luyện năng lực sáng tạo.	Tập trung vào việc phân tích vai trò và đặc điểm của thơ, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa thơ và đời sống.
	Mặc dù có sự khác biệt về nội dung, hai văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> và <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> đều sử dụng các thao tác nghị luận một cách hiệu quả để làm sáng tỏ luận điểm của mình.	

Câu 4. Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ

a. Tìm ý và lập dàn ý:

I. Mở bài:

- Giới thiệu về tầm quan trọng của tuổi trẻ và vai trò của tư duy, tưởng tượng trong sáng tạo.
- Nêu luận điểm chính: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- Khái niệm:
 - + Tư duy: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
 - + Tưởng tượng: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.
- Mối quan hệ giữa tư duy và tưởng tượng:
 - + Tư duy là nền tảng cho tưởng tượng.
 - + Tưởng tượng giúp mở rộng tư duy, khơi nguồn sáng tạo.

2. Chứng minh:

- Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:
- + Giúp con người tìm ra những giải pháp mới, độc đáo cho vấn đề.
- + Thúc đẩy sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật.
- + Góp phần xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.
- Biểu hiện của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:
- + Khả năng đặt câu hỏi, tìm tòi, khám phá.
- + Khả năng liên tưởng, sáng tạo ý tưởng mới.
- + Khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- Dẫn chứng:
- + Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo.
- + Thành tựu khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật được sáng tạo từ tư duy và tưởng tượng.

3. Phân tích:

- Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?
- + Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.
- + Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.
- + Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.
- Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:
- + Đọc sách, học tập, nghiên cứu.
- + Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.
- + Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại luận điểm.
- Nêu lời kêu gọi: Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

b. Viết thành văn phần Mở bài và ý tiếp theo thuộc phần Thân bài:

Mở bài:

Tuổi trẻ là giai đoạn đẹp nhất của cuộc đời, là quãng thời gian tràn đầy sức sống, nhiệt huyết và ước mơ. Đây cũng là giai đoạn quan trọng để mỗi người hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai. Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

Thân bài:

1. Giải thích:

- Tư duy: là khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề. Tư duy bao gồm nhiều khía cạnh như tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...
- Tưởng tượng: là khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới. Tưởng tượng giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, mở rộng tầm nhìn và khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.

c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình:

Đề tài: Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ

I. Mở bài:

1. Giới thiệu:

- Chào mừng các bạn đến với buổi thuyết trình của tôi về chủ đề *Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ*.

- Tuổi trẻ là giai đoạn quan trọng để hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai.
- Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

2. Nêu luận điểm:

- Luận điểm 1: Tư duy và tưởng tượng là gì?
- Luận điểm 2: Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo.
- Luận điểm 3: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?
- Luận điểm 4: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng.

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- *Tư duy:*
 - + Khái niệm: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
 - + Các khía cạnh: tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...
- *Tưởng tượng:*
 - + Khái niệm: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.
 - + Vai trò: khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo; giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

2. Chứng minh:

Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:

- *Tư duy:*
 - + Cung cấp nền tảng kiến thức, kỹ năng để con người có thể sáng tạo.
 - + Giúp con người phân tích vấn đề, đánh giá ý tưởng và đưa ra giải pháp sáng tạo.
- *Tưởng tượng:*
 - + Khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo.
 - + Giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

Dẫn chứng:

- Albert Einstein: “Tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức. Kiến thức chỉ giới hạn trong những gì chúng ta biết, trong khi tưởng tượng bao hàm cả thế giới mà chúng ta chưa biết.”
- Marie Curie: “Nhà khoa học không phải là người chỉ biết thu thập những con số, mà còn là người biết mơ ước và tưởng tượng.”
- Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo:

- + Elon Musk: nhà sáng lập SpaceX và Tesla.
- + Bill Gates: nhà sáng lập Microsoft.
- + J.K. Rowling: tác giả bộ truyện Harry Potter.

3. Phân tích: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?

- Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.
- Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.
- Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.

4. Giải pháp: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:

- Đọc sách, học tập, nghiên cứu:

- + Đọc sách giúp mở rộng kiến thức, kích thích tư duy và tưởng tượng.
- + Học tập và nghiên cứu giúp trau dồi kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo:
- + Tham gia các khóa học, hội thảo về tư duy sáng tạo.
- + Luyện tập giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng:
- + Tham gia các hoạt động nghệ thuật, sáng tạo.
- + Du lịch, khám phá những địa điểm mới.
- + Giao lưu, học hỏi với những người có tư duy sáng tạo.

III. Kết bài:

1. Khẳng định lại luận điểm:

- Tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.
- Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

2. Lời kêu gọi:

- Hãy trau dồi tư duy và tưởng tượng.

Câu 5. HS tự hoàn thiện ở nhà theo gợi ý:

Loại văn bản	Tên văn bản	Luận đề	Luận điểm	Thao tác lập luận
Nghị luận xã hội	1.			
	2.			
Nghị luận văn học	3.			
	4.			

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài 4: Yếu tố kì ảo trong truyện kể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3 được tập huấn.